HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA DÂN CHỦ XRI LAN - CA

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

VÀ NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO

THU NHẬP

Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Dân chủ Xri Lan - ca,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thỏa thuận dưới đây:

ĐIỀU 1

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

ĐIỀU 2

CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1/ Hiệp định này sẽ áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2/ Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập bao gồm cả các khoản thuế đối với lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, cũng như trên giá trị tăng thêm của tài sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp chi trả đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3/ Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

(a) tại Việt Nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân;

(ii) thuế thu nhập doanh nghiệp; và

(dưới đây được gọi là "thuế Việt Nam");

(b) tại Xri Lan - ca:

thuế thu nhập, bao gồm cả thuế thu nhập thu trên doanh số của các doanh nghiệp được Uỷ ban Đầu tư cấp giấy phép.

(dưới đây được gọi là "thuế Xri Lan - ca").

4/ Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế trên ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành nêu tại khoản 3. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi chủ yếu trong các luật thuế của từng Nước.

ĐIỀU 3

CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a) (i) từ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, từ này bao gồm toàn bộ lãnh thổ quốc gia Việt Nam, kể cả lãnh hải Việt Nam và mọi vùng ở ngoài và tiếp liền với lãnh hải Việt Nam mà theo luật pháp Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế, Việt Nam có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên;

(ii) từ "Xri Lan - ca" có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Dân chủ Xri Lan - ca, bao gồm cả vùng đất lãnh thổ, nội thủy và lãnh hải, vùng không phận ở phía trên các vùng này cũng như các vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa mà tại đó nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Dân chủ Xri Lan - ca thực hiện hoặc sau này có thể thực hiện quyền chủ quyền và tài phán phù hợp với luật pháp quốc tế và nội luật của mình;

b) thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt Nam hay Xri Lan - ca, tùy theo từng ngữ cảnh đòi hỏi;

c) thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty hay bất kỳ tổ chức nhiều đối tượng nào khác;

d) thuật ngữ "công ty" có nghĩa là bất kỳ tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

e) thuật ngữ "doanh nghiệp của Nước ký kết" và "doanh nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một doanh nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

f) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một doanh nghiệp của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm ở trong Nước ký kết kia;

g) thuật ngữ " đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

(i) tất cả các cá nhân nào mang quốc tịch của một Nước ký kết;

(ii) tất cả các pháp nhân, tổ chức hùn vốn hay hiệp hội nào có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

h) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) trong trường hợp đối với Việt Nam là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và

(ii) trong trường hợp đối với Xri Lan - ca là Tổng cục trưởng Cơ quan thu Nội địa.

2/ Tại bất kỳ một thời điểm nào trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác, theo như định nghĩa trong luật của Nước đó liên quan đến các loại thuế được áp dụng trong Hiệp định này.

ĐIỀU 4

ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1/ Theo mục đích của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, trụ sở đăng ký hoặc bất kỳ tiêu chuẩn nào khác có tính chất tương tự. Nhưng thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào là đối tượng chịu thuế tại Nước đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn hoặc tài sản tại Nước đó.

2/ Trường hợp theo những quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a) cá nhân đó sẽ chỉ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b) nếu như không thể xác định được Nước ký kết nơi cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó thường sống;

c) nếu cá nhân đó thường sống ở cả hai Nước hay không sống thường xuyên ở Nước nào, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d) nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hay không mang quốc tịch của Nước nào, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3/ Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, lúc đó đối tượng trên sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước nơi có trụ sở đăng ký của đối tượng đó. Tuy nhiên, trong trường hợp đối tượng đó có trụ sở đăng ký ở cả hai Nước ký kết thì các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước sẽ giải quyết vấn đề thông qua thủ tục thoả thuận song phương.

ĐIỀU 5

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a) Trụ sở điều hành;

b) Chi nhánh;

c) Văn phòng;

d) Nhà máy;

e) Xưởng;

f) Mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào;

g) Nhà kho, trong trường hợp một đối tượng cung cấp các phương tiện kho bãi cho các đối tượng khác; và

h) Một cấu trúc lắp đặt, hoặc phương tiện dùng để thăm dò tài nguyên thiên nhiên.

3/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm một địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, dự án lắp ráp hoặc lắp đặt hay các hoạt động giám sát liên quan đến các công trình, địa điểm trên, nhưng chỉ khi địa điểm, công trình hay các hoạt động đó kéo dài trong một giai đoạn trên 90 ngày trong phạm vi một thời gian 12 tháng.

4/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

a) việc sử dụng các phương tiện riêng chỉ cho mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hóa hay tài sản của doanh nghiệp;

b) việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hay trưng bày;

c) việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của doanh nghiệp chỉ với mục đích để cho doanh nghiệp khác gia công;

d) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho doanh nghiệp;

e) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho doanh nghiệp.

5/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh tại khoản 7 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, doanh nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với các hoạt động mà đối tượng trên thực hiện cho doanh nghiệp, nếu đối tượng đó:

a) có và thường xuyên thực hiện tại Nước đó thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên doanh nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những qui định tại khoản đó; hay

b) không có thẩm quyền nêu trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hoá hay tài sản, qua đó đối tượng này thường xuyên giao hàng hoá hay tài sản thay mặt cho doanh nghiệp; hay

c) thường xuyên thực hiện các đơn đặt hàng tại Nước thứ nhất cho doanh nghiệp và các doanh nghiệp khác bị kiểm soát bởi hoặc có quyền lợi cần kiểm soát đối với đối tượng đó.

6/ Mặc dù có những qui định trên của Điều này, một tổ chức bảo hiểm của một Nước ký kết, trừ trường hợp đối với tái bảo hiểm, sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu tổ chức đó thu phí bảo hiểm trên lãnh thổ của Nước ký kết kia hay bảo hiểm các rủi ro tại Nước kia thông qua một đối tượng không phải là một đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh tại khoản 7.

7/ Một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có cơ sở thường trú tại một Nước ký kết kia nếu doanh nghiệp chỉ thực hiện kinh doanh tại Nước ký kết đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó được giành toàn bộ hay hầu như toàn bộ cho hoạt động đại diện cho doanh nghiệp đó, và điều kiện được tạo ra hay áp đặt giữa doanh nghiệp đó và đại lý trong quan hệ thương mại và tài chính khác với điều kiện được tạo ra giữa các doanh nghiệp độc lập, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

8/ Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một

cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

ĐIỀU 6

THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1/ Thu nhập mà một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) có tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có tài sản. Trong mọi trường hợp thuật ngữ sẽ bao gồm cả tài sản đi liền với bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền áp dụng theo các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán thay đổi hay cố định trả cho việc khai thác hay quyền khai thác các mỏ, các nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy, thuyền và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3/ Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7

LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

1/ Lợi tức của một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp doanh nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho:

a) cơ sở thường trú đó;

b) việc bán tại Nước ký kết kia những hàng hoá hay tài sản cùng loại hay tương tự như những hàng hoá bán qua cơ sở thường trú; hay

c) các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Nước kia cùng loại hay tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú.

2/ Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một doanh nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia, thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu đó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hay tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3/ Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí thực tế phát sinh phục vụ cho hoạt động kinh doanh của cơ sở thường trú đó, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung phát sinh, cho dù là tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hay bất kể nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào chi phí được trừ bất kỳ các khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ tiền thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của doanh nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hay bất kỳ khoản thanh toán tương tự nào khác để sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ đặc biệt, hay trả cho công việc quản lý, hay dưới hình thức lãi tiền vay tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp lãi tiền vay của tổ chức ngân hàng. Cũng tương tự, trong khi xác định lợi tức của cơ sở thường trú, sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ tiền thanh toán chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của doanh nghiệp hay bất kỳ văn phòng khác của doanh nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hay bất kỳ khoản thanh toán tương tự nào khác để cho phép sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ đặc biệt, hay trả cho công việc quản lý, hay dưới hình thức lãi tiền vay tính trên tiền cho trụ sở chính của doanh nghiệp hay bất kỳ văn phòng khác của doanh nghiệp vay, trừ trường hợp lãi tiền vay của tổ chức ngân hàng.

4/ Không một qui định nào tại Điều này ảnh hưởng tới việc áp dụng bất kỳ luật nào của một Nước ký kết liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của một đối tượng trong trường hợp cơ sở thường trú từ chối cung cấp đầy đủ thông tin.

5/ Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi tức của doanh nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi tức chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên, phương pháp phân chia được chấp nhận sẽ có kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

6/ Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

7/ Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó sẽ không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8

VẬN TẢI QUỐC TẾ BẰNG TÀU THỦY VÀ MÁY BAY

1/ Lợi tức của một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ Nước ký kết kia từ hoạt động của tàu thủy trong vận tải quốc tế có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, nhưng thuế phải nộp tại Nước ký kết kia đối với thu nhập đó sẽ được giảm 50%.

2/ Lợi tức do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết mà doanh nghiệp điều hành máy bay là đối tượng cư trú.

3/ Những quy định tại khoản 1 và 2 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

ĐIỀU 9

NHỮNG DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT

Khi:

a) một doanh nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Nước ký kết và vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai doanh nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà doanh nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

ĐIỀU 10

TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1/ Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá mười phần trăm (10%) tổng số tiền lãi cổ phần.

Những quy định của khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với khoản lợi tức dùng để chia lãi cổ phần.

3/ Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần hoặc các quyền khác, không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi khác trong công ty cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc

cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15 của Hiệp định này, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được lợi tức hay thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định tại Nước kia, đồng thời Nước kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

ĐIỀU 11

LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1/ Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi này là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá mười phần trăm (10%) của tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3/ Mặc dù có những qui định tại khoản 2, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và trả cho Chính phủ của Nước ký kết kia, bao gồm cả chính quyền địa phương của Nước đó, Ngân hàng Trung ương hoặc bất kỳ tổ chức tài chính nào do Chính phủ kiểm soát, sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất.

Theo mục đích của khoản này, thuật ngữ "Ngân hàng Trung ương" và "tổ chức tài chính do Chính phủ kiểm soát" có nghĩa là:

(a) Trong trường hợp của Việt Nam:

(i) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

(ii) Các tổ chức tài chính khác mà Chính phủ Việt Nam nắm giữ toàn bộ vốn, có thể được thoả thuận vào từng thời điểm giữa Chính phủ của các Nước ký kết;

(b) Trong trường hợp của Xri Lan - ca:

(i) Ngân hàng Trung ương của Xri Lan - ca;
(ii) Các tổ chức tài chính khác mà Chính phủ Xri Lan - ca nắm giữ toàn bộ vốn, có thể được thoả thuận vào từng thời điểm giữa Chính phủ của các Nước ký kết.

4/ Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu công ty, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu công ty đó. Phạt trả chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo qui định của Điều này.

5/ Những quy định tại khoản 1, 2 và 3 sẽ không được áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại tiểu khoản (c) của khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6/ Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả chính là Nhà nước đó, chính quyền địa phương, hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

7/ Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay, liên quan đến khoản cho vay có số tiền lãi được trả vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi

không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 12

TIỀN BẢN QUYỀN

1/ Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước này, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền bản quyền thì mức thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số tiền bản quyền.

3/ Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc các loại phim hay các loại băng hoặc đĩa dùng trong phát thanh và truyền hình, bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, phần mềm máy tính, đồ án, công thức hoặc qui trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại tiểu khoản (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định của Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền chính là Nhà nước đó, chính quyền địa phương hoặc là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tại một Nước ký kết

một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền, liên quan đến việc sử dụng, quyền hay thông tin có số tiền bản quyền được trả, vì bất cứ lý do gì, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 13

PHÍ DỊCH VỤ KỸ THUẬT

1/ Phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản phí dịch vụ kỹ thuật đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước này, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng phí dịch vụ kỹ thuật thì mức thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số tiền phí dịch vụ kỹ thuật.

3/ Thuật ngữ "phí dịch vụ kỹ thuật" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho một đối tượng, không phải là một người làm thuê của đối tượng trả tiền phí dịch vụ, vì các dịch vụ mang tính chất kỹ thuật, quản lý hay tư vấn.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền dịch vụ kỹ thuật phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định, và phí dịch vụ kỹ thuật được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định của Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Phí dịch vụ kỹ thuật sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật chính là Nhà nước đó, chính quyền địa phương hoặc là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú liên quan đến trách nhiệm trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật đã phát sinh và tiền phí dịch vụ kỹ thuật đó do cơ sở thường trú đó chịu thì khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú đó đóng.

6/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật vượt quá, vì bất cứ lý do gì, khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 14

LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi có bất động sản đó.

2/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thủy hoặc máy bay do một doanh nghiệp kinh doanh trong vận tải quốc tế, hoặc từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay đó, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi doanh nghiệp đó là đối tượng cư trú.

4/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần hoặc các quyền lợi tương tự trong một công ty mà tài sản của công ty bao gồm toàn bộ hoặc chủ yếu là bất động sản nằm tại một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

5/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, khác với các loại cổ phiếu nêu tại khoản 4, trong một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

6/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 15

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1/ Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ những trường hợp sau đây, khi đó các thu nhập này cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

a) nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định nhằm mục đích thực hiện các hoạt động của mình; trong những trường hợp đó chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hoặc

b) nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hay nhiều khoảng thời gian gộp lại đến hay trên 183 ngày trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó chỉ phần thu nhập thu được từ các hoạt động của đối tượng này được thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia; hoặc

c) nếu thù lao trả cho các hoạt động của đối tượng đó thực hiện tại Nước ký kết kia do một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia trả hoặc do một cơ sở thường trú hay cơ sở cố định tại Nước ký kết kia chịu và tổng số thù lao do đối tượng này nhận được vượt quá 1500 đô-la Mĩ trong năm tính thuế.

2/ Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

ĐIỀU 16

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1/ Thể theo các quy định tại Điều 17, 19, 20, 21 và 22, các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:

a) người nhận tiền công có mặt tại Nước kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong một thời kỳ 12 tháng bắt đầu hoặc kết thúc năm tính thuế liên quan, và

b) chủ lao động trả tiền công không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, cho dù tiền công đó được chủ lao động đó trả trực tiếp hay thông qua một đại diện, và

c) số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà đối tượng chủ lao động có tại Nước kia.

3/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công thu được từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một doanh nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế chỉ bị đánh thuế tại Nước này.

ĐIỀU 17

THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NHÀ QUẢN LÝ CAO CẤP

1/ Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Tiền lương, tiền công và các khoản thù lao tương tự do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là cán bộ quản lý cao cấp của một

công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 18

NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1/ Mặc dù có những quy định tại Điều 15 và 16, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có những quy định tại điều 7, 15 và 16.

3/ Mặc dù có những qui định tại khoản 1 và 2, thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động nêu tại khoản 1 được tiến hành theo một thoả thuận văn hoá giữa các Nước ký kết sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết nơi tiến hành các hoạt động biểu diễn nếu các hoạt động trình diễn này được tài trợ toàn bộ bởi ngân sách của Nước ký kết kia, của chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước của Nước đó.

ĐIỀU 19

TIỀN LƯƠNG HƯU VÀ BẢO HIỂM HƯU TRÍ

1/ Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 20, bất kỳ khoản lương hưu và các khoản tiền công tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết từ nguồn tại Nước ký kết kia đối với các công việc làm trước đây tại Nước này và niên kim trả cho đối tượng cư trú này từ các nguồn như vậy có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

2/ Thuật ngữ "tiền bảo hiểm hưu hàng năm" có nghĩa là khoản tiền nhất định thanh toán định kỳ vào những thời điểm nhất định trong thời gian sống hay trong giai đoạn thời gian được qui định hoặc cam kết thể theo nghĩa vụ đóng

góp để nhận lại được số tiền đóng góp để được nhận lại số tiền hay giá trị bằng tiền toàn bộ và tương ứng.

3/ Bất kể có qui định tại khoản 1, tiền lương hưu được trả hay các khoản thanh toán được trả theo một chương trình chính sách xã hội là một bộ phận của hệ thống bảo hiểm xã hội của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

ĐIỀU 20

PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1/ a) Các khoản tiền lương, tiền công và các khoản thù lao tương tự khác, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hay chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nhà nước hay chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

b) Tuy nhiên, khoản tiền lương, tiền công và các khoản thù lao tương tự khác này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc

(ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2/ a) Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết hay một cơ quan chính quyền địa phương của Nước đó hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hay chính quyền địa phương tại Nước đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

b) Tuy nhiên, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú và là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia.

3/ Các quy định của Điều 16, 17 và 19 sẽ áp dụng đối với các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác và lương hưu được trả đối với việc phục vụ liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hay chính quyền địa phương của Nước đó.

ĐIỀU 21

GIÁO VIÊN, GIÁO SƯ VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

1/ Một cá nhân hiện là hay ngay trước khi sang một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và cá nhân đó hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất với mục đích ban đầu là giảng dạy, thuyết trình hay tiến hành nghiên cứu tại một trường đại học, cao đẳng, trường hay cơ sở giáo dục hay cơ sở nghiên cứu khoa học được Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất chấp nhận, sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất đối với khoản tiền công từ việc giảng dạy, thuyết trình hay nghiên cứu đó trong thời hạn hai năm kể từ ngày đầu tiên cá nhân đó đến Nước thứ nhất.

2/ Các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động nghiên cứu của một cá nhân nếu việc nghiên cứu đó được thực hiện nhằm phục vụ lợi ích công cộng và không chủ yếu phục vụ cho lợi ích cá nhân của một hay nhiều đối tượng nào đó.

ĐIỀU 22

SINH VIÊN VÀ THỰC TẬP SINH

Những khoản tiền mà một sinh viên hay thực tập sinh nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hay đào tạo mà người sinh viên hay thực tập sinh này ngay trước khi đến một Nước ký kết đang hoặc đã là người cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hay đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước đó đối với tất cả các khoản tiền nhận được từ nước ngoài dùng để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo.

ĐIỀU 23

THU NHẬP KHÁC

1/ Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2/ Những quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh

doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hay thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định như trên. Trong trường hợp như vậy những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

3/ Mặc dù có những qui định tại khoản 1 và 2, các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập đến tại các Điều trên của Hiệp định này và phát sinh tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước kia phù hợp với nội luật của Nước đó.

ĐIỀU 24

CÁC BIỆN PHÁP XÓA BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1/ Luật hiện hành của mỗi Nước ký kết sẽ vẫn tiếp tục có hiệu lực đối với việc đánh thuế thu nhập tại các Nước ký kết đó. Khi thu nhập là đối tượng đánh thuế của cả hai Nước ký kết, việc loại bỏ đánh thuế hai lần sẽ được thực hiện theo qui định tại các khoản sau đây của Điều này.

2/ Khi một đối tượng cư trú của Việt Nam thu được thu nhập từ Xri Lan - ca mà theo các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Xri Lan - ca thì khoản thuế phải trả tại Xri Lan - ca đối với thu nhập này sẽ được khấu trừ vào số thuế phải nộp tại Việt Nam của đối tượng cư trú này đối với thu nhập này. Tuy nhiên, khoản khấu trừ như vậy sẽ không vượt quá số thuế Việt Nam phải nộp trên thu nhập liên quan.

3/ Khi một đối tượng cư trú của Xri Lan - ca thu được thu nhập từ Việt Nam mà theo các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Việt Nam thì khoản thuế phải trả tại Việt Nam đối với thu nhập này sẽ được khấu trừ vào số thuế phải nộp tại Xri Lan - ca của đối tượng cư trú này đối với thu nhập này. Tuy nhiên, khoản khấu trừ như vậy sẽ không vượt quá số thuế Xri Lan - ca phải nộp trên thu nhập liên quan.

4/ Vì mục đích khấu trừ các khoản thuế nộp tại một Nước ký kết, thuế đã nộp tại Nước ký kết kia sẽ được coi như bao gồm cả số thuế đáng ra phải nộp tại Nước ký kết kia nhưng được giảm hoặc miễn phù hợp với các ưu đãi về thuế qui định trong luật pháp của Nước ký kết đó.

ĐIỀU 25

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1/ Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2/ Hình thức thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một doanh nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn thuế áp dụng đối với các doanh nghiệp của Nước ký kết kia cùng thực hiện những hoạt động như nhau.

3/ Các doanh nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn do một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia kiểm soát hay sở hữu trực tiếp hay gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất kỳ hình thức thuế hay yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp tương tự khác của Nước ký kết thứ nhất.

4/ Không nội dung nào trong Điều này sẽ được coi là buộc các Nước ký kết chấp nhận cho các cá nhân không cư trú tại Nước đó được hưởng bất kỳ khoản miễn thu cá nhân, miễn thuế và giảm thuế mà Nước đó cho các cá nhân là đối tượng cư trú được hưởng.

5/ Trong Điều này, thuật ngữ "nghĩa vụ thuế" có nghĩa là các loại thuế bao gồm trong Hiệp định này.

6/ Mặc dù có những qui định của Điều này, trong thời gian một Nước ký kết vẫn tiếp tục cấp giấy phép cho các nhà đầu tư theo luật đầu tư nước ngoài tại Nước đó, trong đó qui định các hình thức thuế mà nhà đầu tư thực hiện, thì việc áp dụng hình thức thuế đó sẽ không được coi là vi phạm các qui định của khoản 2 và 3 của Điều này.

7/ Những qui định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các loại thuế bao gồm trong Hiệp định này.

ĐIỀU 26

THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1/ Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền của một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng theo những quy định của Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết mà đối tượng đó là đối tượng cư trú, mặc dù trong các luật trong nước của hai Nước ký kết đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2/ Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Mọi thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào những giới hạn ghi trong luật trong nước của hai Nước ký kết.

3/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hay áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể liên hệ trực tiếp với nhau, nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung những khoản trên đây. Các nhà chức trách có thẩm quyền, thông qua tham vấn, sẽ phát triển các thủ tục song phương, điều kiện, phương pháp và kỹ thuật để tiến hành các thủ tục thoả thuận song phương theo qui định tại Điều này.

ĐIỀU 27

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay của các luật trong nước của từng Nước ký kết liên quan

đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này, đặc biệt là nhằm ngăn ngừa việc gian lận hoặc trốn các loại thuế đó. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo luật trong nước của Nước này và thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hay thu, cưỡng chế hay truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng hoặc các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hay trong các quyết định của tòa án.

2/ Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc nhà chức trách có thẩm quyền của một Nước ký kết có nghĩa vụ:

a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

b) cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

c) cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, thương mại, công nghiệp, thương nghiệp hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

ĐIỀU 28

THÀNH VIÊN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO VÀ CƠ QUAN LÃNH SỰ

Không nội dung nào trong Hiệp định này ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế của thành viên cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự theo những quy phạm chung của pháp luật quốc tế hay những quy định trong các hiệp định đặc biệt.

ĐIỀU 29

HIỆU LỰC

1/ Mỗi Nước ký kết, thông qua đường ngoại giao, sẽ thông báo cho nhau biết bằng văn bản việc hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu của luật pháp nước mình để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày của thông báo sau cùng.

2/ Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành:

a) đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên số tiền được trả hay coi là sẽ được trả kể từ ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định có hiệu lực; và

b) đối với các loại thuế khác, trong các năm tính thuế phát sinh vào ngày hay sau ngày mùng 1 tháng 1 năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định có hiệu lực;

ĐIỀU 30

CHẤM DỨT HIỆU LỰC

Hiệp định này sẽ vẫn còn hiệu lực cho tới khi một Nước ký kết tuyên bố chấm dứt hiệu lực. Từng Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định bằng cách gửi thông báo chấm dứt hiệu lực Hiệp định chậm nhất là trước hoặc vào ngày 30 tháng 6 đầu năm của bất kỳ năm dương lịch nào sau khi kết thúc thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực.

Trong trường hợp như vậy, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

a) đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên số tiền được trả hay coi là sẽ được trả kể ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo kết thúc hiệu lực; và

b) đối với các loại thuế khác, trong các năm tính thuế phát sinh vào ngày hay sau ngày mùng 1 tháng 1 năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo chấm dứt hiệu lực;

Để làm bằng những người được uỷ quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm thành hai bản tại Hà Nội ngày 26 tháng 10 năm 2005 bằng tiếng Việt, tiếng Sinhala và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị pháp lý ngang nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau giữa các văn bản, bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định

TM. CHÍNH PHỦ **NƯỚC CỘNG HÒA** **XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** **VIỆT NAM**	**TM. CHÍNH PHỦ** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI** **CHỦ NGHĨA DÂN CHỦ** **XRI LAN – CA**
Trương Chí Trung **Thứ trưởng Bộ Tài chính**	**Musthafa M. Jaffeer** **Đại sứ Đặc mệnh Toàn quyền tại Việt Nam**

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT

OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT

OF THE DEMOCRATIC SOCIALIST REPUBLIC OF SRI LANKA

FOR

THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

AND

THE PREVENTION OF FISCAL EVASION

WITH RESPECT TO TAXES ON INCOME

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Democratic Socialist Republic of Sri Lanka,

Desiring to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income,

Have agreed as follows:

Article 1

PERSONAL SCOPE

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting States.

Article 2

TAXES COVERED

1. This Agreement shall apply to taxes on income imposed on behalf of a Contracting State, irrespective of the manner in which they are levied.

2. There shall be regarded as taxes on income all taxes imposed on total income, or on elements of income, including taxes on gains from the alienation of movable or immovable property, taxes on the total amounts of wages or salaries paid by enterprises, as well as taxes on capital appreciation.

3. The existing taxes to which the Agreement shall apply are:

   (a) in Vietnam:
   (i) the personal income tax; and
   (ii) the business income tax

   (hereinafter referred to as "Vietnamese tax");

   (b) in Sri Lanka:
   the income tax, including the income tax based on the turnover of enterprises licensed by the Board of Investment,
   (hereinafter referred to as "Sri Lanka tax");

4. The Agreement shall also apply to any identical or substantially similar taxes on income which are imposed after the date of signature of the Agreement in addition to, or in place of, those referred to in paragraph 3. The competent authorities of the Contracting States shall notify each other of any substantial changes which have been made in their respective taxation laws.

Article 3

GENERAL DEFINITIONS

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

   (a) (i) the term "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam; when used in a geographical sense, it means all its national territory, including its territorial sea and any area beyond and adjacent to its territorial sea, within which Vietnam by Vietnamese legislation and in accordance with international law, has sovereign rights of exploration for and exploitation of natural resources of the seabed and its sub-soil and superjacent watermass;

   (ii) the term "Sri Lanka" means the territory of the Democratic Socialist Republic of Sri Lanka, including its land territory, internal waters and territorial sea, air space above them as well as the exclusive economic zone and continental shelf where the Democratic Socialist Republic of Sri Lanka exercises or may hereafter exercise sovereign rights and jurisdiction in conformity with international law and its national legislation;

   (b) the terms "a Contracting State" and "the other Contracting State" mean Vietnam or Sri Lanka as the context requires;

   (c) the term "person" includes an individual, a company and any other body of persons;

   (d) the term "company" means any body corporate or any entity which is treated as a body corporate for tax purposes;

   (e) the terms "enterprise of a Contracting State" and "enterprise of the other Contracting State" mean, respectively, an enterprise carried on by a resident of a Contracting State and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting State;

(f) the term "international traffic" means any transport by a ship or aircraft operated by an enterprise of a Contracting State, except when the ship or aircraft is operated solely between places in the other Contracting State;

(g) the term "nationals" means:

(i) all individuals possessing the nationality of a Contracting State;

(ii) all legal persons, partnerships and associations deriving their status as such from the laws in force in a Contracting State;

(h) the term "competent authority" means

(i) in the case of Vietnam, the Minister of Finance or his authorized representative;

(ii) in Sri Lanka, the Commissioner General of Inland Revenue.

2. As regards the application of the Agreement by a Contracting State, any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning which it has under the law of that Contracting State relating to the taxes which are the subject of this Agreement.

Article 4

RESIDENT

1. For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting State" means any person who, under the laws of that State, is liable to tax therein by reason of his domicile, residence, place of management, place of registration or any other criterion of a similar nature. But this term does not include any person who is liable to tax in that State in respect only of income from sources in that State or capital situated therein.

2. Where by reason of the provisions of paragraph 1 an individual is a resident of both Contracting States, then his status shall be determined as follows:

(a) he shall be deemed to be a resident of the State in which he has a permanent home available to him; if he has a permanent home available to him in both States, he shall be deemed to be a resident of the State

with which his personal and economic relations are closer (centre of vital interests);

(b) if the State in which he has his centre of vital interests cannot be determined, or if he has not a permanent home available to him in either State, he shall be deemed to be a resident of the State in which he has an habitual abode;

(c) if he has an habitual abode in both States or in neither of them, he shall be deemed to be a resident of the State of which he is a national;

(d) if he is a national of both States or of neither of them, the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.

3. Where by reason of the provisions of paragraph 1 a person other than an individual is a resident of both Contracting States, then it shall be deemed to be a resident only of the State in which it has the place of registration. However, if it has the place of registration in both Contracting States the competent authorities of the states shall settle the question by mutual agreement.

Article 5

PERMANENT ESTABLISHMENT

1. For the purposes of this Agreement, the term "permanent establishment" means a fixed place of business through which the business of an enterprise is wholly or partly carried on.

2. The term "permanent establishment" includes especially:

(a) a place of management;
(b) a branch;
(c) an office;
(d) a factory;
(e) a workshop;
(f) a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place of extraction of natural resources;
(g) a warehouse, in relation to a person providing storage facilities for others; and
(h) an installation structure, or equipment used for the exploration of natural resources.

3. The term "permanent establishment" likewise encompasses a building site, a construction, assembly or installation project including supervisory activities in connection therewith, but only where such site, project or activities continue for a period of more than 90 days within any twelve-month period.

4. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the term "permanent establishment" shall be deemed not to include:

   (a) the use of facilities solely for the purpose of storage or display of goods or merchandise belonging to the enterprise;

   (b) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage or display;

   (c) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;

   (d) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of purchasing goods or merchandise or for collecting information, for the enterprise;

   (e) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of carrying on, for the enterprise, any other activity of a preparatory or auxiliary character.

5. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, where a person other than an agent of an independent status to whom paragraph 7 applies is acting in a Contracting State on behalf of an enterprise of the other Contracting State, that enterprise shall be deemed to have permanent establishment in the first-mentioned Contracting State in respect of any activities which that person undertakes for the enterprise, if such a person:

   (a) has and habitually exercises in that State an authority to conclude contracts in the name of the enterprise, unless the activities of such person are limited to those mentioned in paragraph 4 which, if exercised through a fixed place of business, would not make this fixed place of business a permanent establishment under the provisions of that paragraph; or

   (b) has no such authority, but habitually maintains in the first-mentioned State a stock of goods or merchandise from which he regularly delivers goods or merchandise on behalf of the enterprise; or

(c) habitually secures orders in the first-mentioned State for the enterprise and other enterprises which are controlled by it or have a controlling interest in it.

6. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, an insurance enterprise of a Contracting State shall, except with regard to re-insurance, be deemed to have a permanent establishment in the other Contracting State if it collects premiums in the territory of that other State or insures risks situated therein through a person other than an agent of an independent status to whom paragraph 7 applies.

7. An enterprise of a Contracting State shall not be deemed to have a permanent establishment in the other Contracting State merely because it carries on business in that other State through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, where such persons are acting in the ordinary course of their business. However, when the activities of such an agent are devoted wholly or principally on behalf of that enterprise, he shall not be considered an agent of an independent status within the meaning of this paragraph, if it is shown that the transactions between the agent and the enterprise were not made under arm's length conditions.

8. The fact that a company which is a resident of a Contracting State controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting State, or which carries on business in that other State (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

Article 6

INCOME FROM IMMOVABLE PROPERTY

1. Income derived by a resident of a Contracting State from immovable property (including income from agriculture or forestry) situated in the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. The term "immovable property" shall have the meaning which it has under the law of the Contracting State in which the property in question is situated. The term shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture and forestry, rights to which the provisions of general law respecting landed property apply, usufruct of immovable property and rights to variable or fixed payments as consideration

for the working of, or the right to work, mineral deposits, sources and other natural resources; ships, boats and aircraft shall not be regarded as immovable property.

3. The provisions of paragraph 1 shall also apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property.

4. The provisions of paragraphs 1 and 3 shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

Article 7

BUSINESS PROFITS

1. The profits of an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State unless the enterprise carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other State, but only so much of them as is attributable to :

(a) that permanent establishment ;

(b) sales in that other State of goods or merchandise of the same or similar kind as those sold through that permanent establishment ; or

(c) other business activities carried on in that other State of the same or similar kind as those effected through that permanent establishment.

2. Subject to the provisions of paragraph 3, where an enterprise of a Contracting State carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting State be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.

3. In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions expenses which are incurred for the purposes of the business of the permanent establishment including executive and general administrative expenses so incurred, whether in the State in which the permanent establishment is situated or elsewhere. However, no such deduction shall be

allowed in respect of amounts, if any, paid (otherwise than towards reimbursement of actual expenses) by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission, for specific services performed or for management, or, except in the case of a banking enterprise, by way of interest on moneys lent to the permanent establishment. Likewise, no account shall be taken, in the determination of the profits of a permanent establishment, for amounts charged (otherwise than towards reimbursement of actual expenses), by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission for specific services performed or for management, or, except in the case of a banking enterprise by way of interest on moneys lent to the head office of the enterprise or any of its other offices.

4. Nothing in this Article shall affect the application of any law of a Contracting State relating to the determination of the tax liability of a person in case where the permanent establishment refuses to give adequate information.

5. Insofar as it has been customary in a Contracting State to determine the profits to be attributed to a permanent establishment on the basis of an apportionment of the total profits of the enterprise to its various parts, nothing in paragraph 2 shall preclude that Contracting State from determining the profits to be taxed by such an apportionment as may be customary ; the method of apportionment adopted shall, however, be such that the result shall be in accordance with the principles contained in this Article.

6. For the purposes of the preceding paragraphs, the profits to be attributed to the permanent establishment shall be determined by the same method year by year unless there is good and sufficient reason to the contrary.

7. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

Article 8

SHIPPING AND AIR TRANSPORT

1. Profits derived in a Contracting State by an enterprise of the other Contracting State from the operation of ships in international traffic may be taxed in the

first-mentioned State, but the tax so charged shall be reduced by an amount equal to 50 per cent thereof.

2. Profits from the operation of aircraft in international traffic shall be taxable only in the Contracting State of which the enterprise operating the aircraft is a resident.

3. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall also apply to profits from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency.

Article 9

ASSOCIATED ENTERPRISES

Where

(a) an enterprise of a Contracting State participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting State, or

(b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting State and an enterprise of the other Contracting State,

and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, but, by reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

Article 10

DIVIDENDS

1. Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting State to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such dividends may also be taxed in the Contracting State of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the dividends the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the dividends.

The provisions of this paragraph shall not affect the taxation of the company in respect of the profits out of which the dividends are paid.

3. The term "dividends" as used in this Article means income from shares or other rights, not being debt-claims, participating in profits, as well as income from other corporate rights which is subjected to the same taxation treatment as income from shares by the laws of the State of which the company making the distribution is a resident.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State of which the company paying the dividends is a resident, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case, the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

5. Where a company which is a resident of a Contracting State derives profits or income from the other Contracting State, that other State may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other State or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a permanent establishment or a fixed base situated in that other State, nor subject the company's undistributed profits to a tax on the company's undistributed profits, even if the dividends paid or the undistributed profits consist wholly or partly of profits or income arising in such other State.

Article 11

INTEREST

1. Interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such interest may also be taxed in the Contracting State in which it arises and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the interest the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the interest.

3. Notwithstanding the provisions of paragraph 2 interest arising in a Contracting State and derived by the Government of the other Contracting State, including a local authority thereof, the Central Bank or any financial institution controlled by that Government, shall be exempt from tax in the first-mentioned State.

For the purposes of this paragraph, the terms "the Central Bank" and "financial institution controlled by that Government" mean:

(a) In the case of Vietnam:
   (i) the State Bank of Vietnam;
   (ii) such other financial institution, the capital of which is wholly owned by the Government of Vietnam, as may be agreed upon from time to time between the Governments of the Contracting States.

(b) In the case of Sri Lanka:
   (i) the Central Bank of Sri Lanka;
   (ii) such other financial institution, the capital of which is wholly owned by the Government of Sri Lanka, as may be agreed upon from time to time between the Governments of the Contracting States.

4. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage, and whether or not carrying a right to participate in the debtor's profits, and in particular, income from government securities and income from bonds or debentures, including premiums and prizes attaching to such securities, bonds or debentures. Penalty charges for late payment shall not be regarded as interest for the purpose of this Article.

5. The provisions of paragraphs 1, 2 and 3 shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with (a) such permanent establishment or fixed base, or with (b) business activities referred to under (c) of paragraph 1 of Article 7. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be shall apply.

6. Interest shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a local authority, or a resident of that State. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting State or

not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment or fixed base, then such interest shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

7. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of the Agreement.

Article 12

ROYALTIES

1. Royalties arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such royalties may also be taxed in the Contracting State in which they arise and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the royalties, the tax so charged shall not exceed 15 per cent of the gross amount of the royalties.

3. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work including cinematograph films, or films or tapes or discs used for radio or television broadcasting, any patent, trade mark, design or model, computer software programme, plan, secret formula or process, or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment, or for information concerning industrial, commercial or scientific experience.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the royalties, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the royalties arise, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the royalties are paid is effectively connected with (a) such

permanent establishment or fixed base, or with (b) business activities referred to under (c) of paragraph 1 of Article 7. In such case, the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

5. Royalties shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a local authority, or a resident of that State. Where, however, the person paying the royalties, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the liability to pay the royalties was incurred, and such royalties are borne by such permanent establishment or fixed base, then such royalties shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the royalties, having regard to the use, right or information for which they are paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of the Agreement.

Article 13

TECHNICAL FEES

1. Technical fees arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such technical fees may also be taxed in the Contracting State in which they arise and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the technical fees the tax so charged shall not exceed 15 per cent of the gross amounts of the technical fees.

3. The term "technical fees" as used in this Article means payments of any kind to any person, other than to an employee of the person making the payments, in consideration for any services of a technical, managerial or consultancy nature.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 of this Article shall not apply if the beneficial owner of the technical fees, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the technical fees

arise through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services, and the technical fees are effectively connected with such permanent establishment or such services. In such case, the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

5. Technical fees shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a local authority thereof, or a resident of that State. Where, however, the person paying the technical fees, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment in connection with which the obligation to pay the technical fees was incurred, and such technical fees are borne by such permanent establishment, then such technical fees shall be deemed to arise in the Contracting State in which the permanent establishment is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the technical fees paid exceeds, for whatever reason, the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

Article 14

GAINS FROM THE ALIENATION OF PROPERTY

1. Gains from the alienation of immovable property, as defined in Article 6, may be taxed in the Contracting State in which such property is situated.

2. Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or with the whole enterprise) or of such fixed base, may be taxed in that other State.

3. Gains from the alienation of ships or aircraft operated by an enterprise of a Contracting State in international traffic or movable property pertaining to the operation of such ships or aircraft, shall be taxable only in the Contracting State of which the enterprise is a resident.

4. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of shares or comparable interests in a company, the assets of which consist wholly or principally of immovable property situated in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

5. Gains from the alienation of shares other than those mentioned in paragraph 4 in a company which is a resident of a Contracting State may be taxed in that State.

6. Gains from the alienation of any property other than that referred to in paragraphs 1, 2, 3, 4 and 5 shall be taxable only in the Contracting State of which the alienator is a resident.

Article 15

INDEPENDENT PERSONAL SERVICES

1. Income derived by a resident of a Contracting State in respect of professional services or other activities of an independent character shall be taxable only in that State except in the following circumstances, when such income may also be taxed in the other Contracting State:

   (a) If he has a fixed base regularly available to him in the other Contracting State for the purpose of performing his activities; in that case, only so much of the income as is attributable to that fixed base may be taxed in that other Contracting State; or

   (b) If his stay in the other Contracting State is for a period or periods amounting to or exceeding in the aggregate 183 days in the fiscal year concerned; in that case, only so much of the income as is derived from his activities performed in that other State may be taxed in that State; or

   (c) If the remuneration for his activities in the other Contracting State is paid by a resident of that Contracting State or is borne by a permanent establishment or a fixed base situated in that Contracting State and exceeds in the fiscal year One Thousand Five Hundred US Dollars.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

Article 16

DEPENDENT PERSONAL SERVICES

1. Subject to the provisions of Articles 17, 19, 20, 21 and 22 salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment shall be taxable only in that State unless the employment is exercised in the other Contracting State. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment exercised in the other Contracting State shall be taxable only in the first-mentioned State if:

   (a) the recipient is present in the other State for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in any twelve-month period commencing or ending in the fiscal year concerned; and

   (b) the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other State; and

   (c) the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other State.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration derived in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic by an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State.

Article 17

DIRECTORS' FEES AND REMUNARATION OF TOP - LEVEL MANAGERIAL OFFICIALS

1. Directors' fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting State in his capacity as a member of the Board of Directors of a company which is a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. Salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting State in his capacity as an official in a top-level managerial

position of a company which is a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

Article 18

ARTISTES AND SPORTSMEN

1. Notwithstanding the provisions of Articles 15 and 16, income derived by a resident of a Contracting State as an entertainer, such as a theatre, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as a sportsman, from his personal activities as such exercised in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or a sportsman in his capacity as such accrues not to the entertainer or sportsman himself but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Article 7, 15 and 16, be taxed in the Contracting State in which the activities of the entertainer or sportsman are exercised.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, income derived from activities referred to in paragraph 1 performed under a cultural agreement between the Contracting States shall be exempt from tax in the Contracting State in which the activities are exercised if the visit to that State is wholly supported by funds of either Contracting State, a local authority or public institution thereof.

Article 19

PENSIONS AND ANNUITIES

1. Subject to the provisions of paragraph 2 of Article 20, any pension or other similar remuneration paid to a resident of one of the Contracting States from a source in the other Contracting State in consideration of past employment in that other Contracting State and any annuity paid to such a resident from such a source may be taxed in that other State.

2. The term "annuity" means a stated sum payable periodically at stated times during life or during a specified or ascertainable period of time under an obligation to make the payments in return for adequate and full consideration in money or money's worth.

3. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, pensions paid and other payments made under a public scheme which is part of the social security system of a Contracting State shall be taxable only in that State.

Article 20

GOVERNMENT SERVICE

1. (a) Salaries, wages and other similar remuneration, other than a pension, paid by the Government of a Contracting State or a local authority, to an individual in respect of services rendered to that State or authority shall be taxable only in that State.

   (b) However, such salaries, wages and other similar remuneration shall be taxable only in the other Contracting State if the services are rendered in that other State and the individual is a resident of that State who:

      (i) is a national of that State; or

      (ii) did not become a resident of that State solely for the purpose of rendering such services.

2. (a) Any pension paid by, or out of funds created by, a Contracting State or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or local authority shall be taxable only in that State.

   (b) However, such pension shall be taxable only in the other Contracting State if the individual is a resident of, and a national of, that other State.

3. The provisions of Articles 16, 17 and 19 shall apply to salaries, wages and other similar remuneration and pensions in respect of services rendered in connection with a business carried on by a Contracting State or a local authority thereof.

Article 21

TEACHERS, PROFESSORS AND RESEARCHERS

1. An individual who is, or immediately before visiting a Contracting State was, a resident of a Contracting State and is present in the first-mentioned Contracting

State for the primary purpose of teaching, giving lectures or conducting research at a university, college, school or educational institution or scientific research institution accredited by the Government of the first-mentioned Contracting State shall be exempt from tax in the first-mentioned Contracting State, for a period of two years from the date of his first arrival in the first-mentioned Contracting State, in respect of remuneration for such teaching, lectures or research.

2. This Article shall only apply to income from research if such research is undertaken by an individual for the public interest and not primarily for the benefit of some other private person or persons.

Article 22

STUDENTS AND TRAINEES

Payments which a student, apprentice, or business trainee who is or was immediately before visiting a Contracting State a resident of the other Contracting State and who is present in the first-mentioned State for the purpose of his education or training receives for the purpose of his maintenance, education, or training shall not be taxed in that State, provided that such payments arise from sources outside that State.

Article 23

OTHER INCOME

1. Items of income of a resident of a Contracting State, wherever arising, not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement shall be taxable only in that State.

2. The provisions of paragraph 1 shall not apply to the income, other than income from immovable property as defined in paragraph 2 of Article 6, if the recipient of such income, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the income is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, items of income of a resident of a Contracting State not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement and arising in the other Contracting State may also be taxed in that other State.

Article 24

METHODS FOR ELIMINATION OF DOUBLE TAXATION

1. The laws in force in either of the Contracting States shall continue to govern the taxation of income in the respective Contracting States. When income is subject to tax in both Contracting States, relief from double taxation shall be given in accordance with the following paragraphs of this Article.

2. Where a resident of Vietnam derives income from Sri Lanka which in accordance with the provisions of this Agreement, may be taxed in Sri Lanka the amount of Sri Lanka tax payable in respect of that income, shall be allowed as a credit against the Vietnamese tax imposed on that resident in respect of that income. The credit shall not, however, exceed that part of the Vietnamese tax which is attributable to such income.

3. Where a resident of Sri Lanka derives income from Vietnam which in accordance with the provisions of this Agreement may be taxed in Vietnam, the amount of Vietnamese tax payable in respect of that income shall be allowed as a credit against the Sri Lanka tax imposed on that resident in respect of that income. The credit shall not, however, exceed that part of the Sri Lanka tax which is attributable to such income.

4. For the purpose of allowance as a credit in a Contracting State, the tax paid in the other Contracting State shall be deemed to include the tax which is otherwise payable in that other State but has been reduced or waived by that State under its legal provisions for tax incentives.

Article 25

NON-DISCRIMINATION

1. Nationals of a Contracting State shall not be subjected in the other Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which nationals of that other State in the same circumstances are or may be subjected.

2. The taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State shall not be less favorably levied in that other State than the taxation levied on enterprises of that other State carrying on the same activities.

3. Enterprises of a Contracting State, the capital of which is wholly or partly owned or controlled, directly or indirectly, by one or more residents of the other Contracting State, shall not be subjected in the first-mentioned State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which other similar enterprises of the first-mentioned State are or may be subjected.

4. Nothing contained in this Article shall be construed as obliging either Contracting State to grant to individuals not resident in the State any of the personal allowances, reliefs and reductions for tax purposes which are granted to individuals so resident.

5. In this Article, the term "taxation" means taxes which are the subject of this Agreement.

6. Notwithstanding the provisions of this Article, for so long as a Contracting State continues to grant to investors licenses under the Law on Foreign Investment in that Contracting State, which specify the taxation to which the investor shall be subjected, the imposition of such taxation shall not be regarded as breaching the terms of paragraphs 2 and 3 of this Article.

7. The provisions of this Article shall apply only to the taxes that are the subject of this Agreement.

Article 26

MUTUAL AGREEMENT PROCEDURE

1. Where a resident of a Contracting State considers that the actions of one or both of the Contracting States result or will result for him in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the domestic law of those States, present his case to the competent authority of the Contracting State of which he is a resident. The case must be presented within three years from the first notification of the action resulting in taxation not in accordance with the provisions of the Agreement.

2. The competent authority shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at a satisfactory solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting State, with a view to the avoidance of taxation which is not in accordance with this Agreement. Any Agreement reached shall be implemented not withstanding any time limits in the domestic law of the Contracting States.

3. The competent authorities of the Contracting States shall endeavour to resolve by mutual agreement any difficulties or doubts arising as to the interpretation or application of the Agreement. They may also consult together for the elimination of double taxation in cases not provided for in the Agreement.

4. The competent authorities of the Contracting States may communicate with each other directly for the purpose of reaching an agreement in the sense of the preceding paragraphs. The competent authorities, through consultations, shall develop appropriate bilateral procedures, conditions, methods and techniques for the implementation of the mutual agreement procedure provided for in this Article.

Article 27

EXCHANGE OF INFORMATION

1. The competent authorities of the Contracting States shall exchange such information as is necessary for carrying out the provisions of this Agreement or of the domestic laws of the Contracting States concerning taxes covered by the Agreement, insofar as the taxation thereunder is not contrary to the Agreement, as well as to prevent fiscal evasion in relation to such taxes. Any information received by a Contracting State shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the domestic laws of that State and shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) involved in the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of, or the determination of appeals in relation to, the taxes which are the subject of the Agreement. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes but may disclose the information in public court proceedings, or in judicial decisions.

2. In no case shall the provisions of paragraph 1 be construed so as to impose on a Contracting State the obligation:

   (a) to carry out administrative measures at variance with the laws and administrative practice of that or of the other Contracting State;

(b) to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting State;

(c) to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information, the disclosure of which would be contrary to public policy.

Article 28

DIPLOMATIC AGENTS AND CONSULAR OFFICERS

Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of diplomatic agents or consular officers under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

Article 29

ENTRY INTO FORCE

1. Each Contracting State shall notify to the other in writing through the diplomatic channel, the completion of the procedures required by its legislation for the entry into force of this Agreement. This Agreement shall enter into force on the date of the latter of these notifications.

2. The provisions of the Agreement shall apply:

(a) with regard to taxes withheld at source, in respect of amounts paid or credited on or after the first day of January in the calendar year next following that in which the Agreement enters into force; and

(b) with regard to other taxes in respect of taxable years beginning on or after the first day of January in the calendar year next following that in which the Agreement enters into force.

Article 30

TERMINATION

This Agreement shall remain in force until terminated by a Contracting State. Either Contracting State may terminate the Agreement, through diplomatic channels, by giving written notice of termination on or before the thirtieth day of June of any calendar year following after the period of five years from the year in which the Agreement enters into force.

In such case, the Agreement shall cease to have effect :

(a) with regard to taxes withheld at source, in respect of amounts paid or credited after the end of the calendar year next following that in which such notice is given; and

(b) with regard to other taxes, in respect of taxable years beginning after the end of the calendar year next following that in which such notice is given.

IN WITNESS WHEREOF the undersigned being duly authorised thereto have signed this Agreement.

Done in duplicate at Hanoi on this 26th day of October 2005 in the Vietnamese, Sinhala and English Languages, all texts being equally authentic. In the case of divergence in interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Truong Chi Trung
Vice Minister of Finance

FOR THE GOVERNMENT OF THE DEMOCRATIC SOCIALIST REPUBLIC OF SRI LANKA

Musthafa M. Jaffeer
Ambassador Extraordinary and Plenipotentiary to Vietnam

ආදායම් මත වූ බදු සම්බන්ධයෙන්

ද්විත්ව බදු අය කිරීම වැලැක්වීම

සහ

බදු නොගෙවා මග හැරීම වැලැක්වීම

සඳහා

වියට්නාම සමාජවාදී ජනරජයේ ආණ්ඩුව

සහ

ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී ජනරජයේ ආණ්ඩුව

අතර

ඇතිකරගත් ගිවිසුමයි

වියට්නාම සමාජවාදී ජනරජයේ ආණ්ඩුව

සහ

ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී ජනරජයේ ආණ්ඩුව

ආදායම් මත වූ බදු සම්බන්ධයෙන්

ද්විත්ව බදු අය කිරීම වැළැක්වීම

සහ

බදු නොගෙවා මගහැරීම වැළැක්වීම

සඳහා

ගිවිසුමක් ඇතිකර ගැනීමේ අදහසින්

මතු දැක්වෙන පරිදි එකඟ වී ඇත:

1 වැනි වගන්තිය

පුද්ගල විෂය සීමාව

ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයන්ගෙන් එකක හෝ දෙකෙහිම හෝ වාසිකයන් වන තැනැත්තන් කෙරෙහි මෙම ගිවිසුම අදාළ විය යුතුය.

2 වැනි වගන්තිය

ආවරණය වන බදු

1. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක් වෙනුවෙන් පනවනු ලබන ආදායම මත වන බදු වලට, ඒවා අය කෙරෙන ආකාරය පිළිබඳව නොසලකා මෙම ගිවිසුම අදාළ විය යුතුය.

2. වංචල නෝ නීශ්චල දේපල අන්පත් කිරීමෙන් ලබන ලාභ මත වන බදු, ව්‍යවසායයන් විසින් ගෙවනු ලබන වේතන හෝ වැටුප් වල සමස්ත ප්‍රමාණයන් මත වන බදු මෙන්ම ප්‍රාග්ධන වර්ධනයක් මත වන බදු ඇතුළුව, මුළු ආදායම මත හෝ එහි කොටස් මත වන සියළුම බදු, ආදායම් මත වන බදු වශයෙන් සැලකිය යුතුය.

3. මෙම ගිවිසුම විශේෂයෙන් අදාළ වන්නා වූ දැනට පවතින බදු වනුයේ:

   (අ) ශ්‍රී ලංකාවේදී:

   ආයෝජන මණ්ඩලයේ ලියාපදිංචි කරන ලද ව්‍යවසායයන්හි පිරිවැටුම මත පදනම් වූ බද්ද ඇතුළුව ආදායම් මත වන බද්ද.

   (මෙහි ඉන්මතු " ශ්‍රී ලංකා බද්ද " යනුවෙන් සඳහන් වේ);

   (ආ) වියට්නාමයේදී:

   (i) පෞද්ගලික ආදායම් බද්ද; සහ

   (ii) ව්‍යාපාර ආදායම් බද්ද

   (මෙහි ඉන්මතු " වියට්නාම බද්ද" යනුවෙන් සඳහන් වෙයි);

4. 3 වන ඡේදයෙහි සඳහන් බදු වලට අමතරව හෝ ඒවා වෙනුවට මෙම ගිවිසුම අත්සන් කිරීමේ දිනයෙන් අනතුරුව පනවනු ලබන යම් අනන්‍ය වූ හෝ බෙහෙවින් සමාන වූ ආදායම් මත වන බදු වලට ද මෙම ගිවිසුම අදාළ විය යුතුවේ. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයන්හි නීති බලධාරීන් ඔවුන්ගේ බදුකරණ නීති පිළිබඳව කරනු ලැබ ඇති ප්‍රධාන වෙනස්කම් එකිනෙකාට දැනුම් දිය යුතුය.

3 වැනි වගන්තිය
පොදු අර්ථ නිරූපණ

1. මෙම ගිවිසුමේ කාර්යයන් සඳහා, පද සම්බන්ධය අනුව වෙනත් අයුරකින් තේරුම් ගත යුතු වුවහොත් මිස:

(අ) (i) "ශ්‍රී ලංකාව" යන පදයෙන් එහි භූමි ප්‍රදේශය, අභ්‍යන්තර ජල ප්‍රදේශ හා රාජ්‍යයට අයත් මුහුදු ප්‍රදේශය, ඊට ඉහළින් පිහිටි ගුවන් අවකාශය මෙන්ම අනන්‍ය ආර්ථික කලාපය සහ මහාද්වීපික තටකයද ඇතුළු ජාත්‍යන්තර නීතියට සහ ජාතික ව්‍යවස්ථාවට අනුකූලව ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී ජනරජය සිය ස්වාධීන අයිතිවාසිකම් සහ අධිකරණ බලය ක්‍රියාත්මක කරන හෝ මතුවට ක්‍රියාත්මක කරනු ලැබිය හැකි ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී ජනරජයේ භූමි ප්‍රදේශය අදහස් කෙරේ;

(ii) " වියට්නාමය " යන පදයෙන් වියට්නාම සමාජවාදී ජනරජය අදහස් වන අතර; භූගෝලීය අර්ථයෙන් ගත්කල එයින් අදහස් වනුයේ වියට්නාම රජයට අයත් මුහුදු ප්‍රදේශය සහ එම මුහුදු ප්‍රදේශයට මඩිබෙත් හා යාබද යම් ප්‍රදේශයක් ඇතුළුව වියට්නාම ව්‍යවස්ථාව සහ ජාත්‍යන්තර නීතියට අනුකූලව මුහුදු පත්ල, එහි යටිපස සහ තදාසන්න ජල ස්කන්ධයන්හි ස්වාභාවික සම්පත් ගවේෂණය කිරීමට සහ ප්‍රයෝජනයට ගැනීමට සෙවරීන් අයිතිය ඇති එහි මුළු ජාතික භූමි ප්‍රදේශයයි;

(ආ) " ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යය" සහ " අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යය " යන පදවලින් පද සම්බන්ධය අනුව අවශ්‍ය වන පරිදි, ශ්‍රී ලංකාව හෝ වියට්නාමය අදහස් කෙරේ;

(ඇ) " තැනැත්තා" යන පදයට යම් පුද්ගලයෙකු, සමාගමක් සහ වෙනත් යම් පුද්ගල මණ්ඩලයක් ඇතුළත්වේ;

(ඈ) "සමාගම" යන පදයෙන් යම් සංස්ථාපිත මණ්ඩලයක් හෝ බදු කාර්යයන් සඳහා සංස්ථාපිත මණ්ඩලයක් ලෙස සලකනු ලබන යම් ආයතනයක් අදහස් කෙරේ;

(ඉ) "ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක ව්‍යවසායක්" සහ "අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ

ව්‍යවසායක්" යන පදවලින් පිළිවෙලින් එක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකු විසින් පවත්වාගෙන යනු ලබන ව්‍යවසායක් සහ අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු විසින් පවත්වා ගෙන යනු ලබන ව්‍යවසායක් අදහස් කෙරේ;

(ඒ) "ජාත්‍යන්තර ගමනාගමනය" යන පදයෙන්, ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක ව්‍යවසායක් විසින් මෙහෙයවනු ලබන නැවක් හෝ ගුවන් යානයක්, එම නැව හෝ ගුවන් යානය අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ ස්ථාන අතර පමණක්ම ක්‍රියාත්මක කරන අවස්ථාවලදී හැර, කරනු ලබන ඕනෑම ප්‍රවාහනයක් අදහස් කෙරේ;

(ඕ) "රටවැසියන්" යන පදයෙන්:

(i) ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක පුරවැසිභාවය හිමි සියළුම පුද්ගලයන්;

(ii) ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක බලපැවැත්වෙන නීති මගින් ස්වකීය පෞද්ගලික තත්ත්වය ලබන සියළුම පෞද්ගලික නෑනැත්තන්, හවුල් ව්‍යාපාරයන් සහ සංගම්,

අදහස් කෙරේ;

(ඖ) "නීසි බලධාරියා " යන පදයෙන්:

(i) ශ්‍රී ලංකාව සම්බන්ධයෙන් දේශීය ආදායම් කොමසාරිස් ජනරාල්;

(ii) වියට්නාමය සම්බන්ධයෙන් මුදල් ඇමති හෝ ඔහුගේ බලය ලත් නියෝජිතයකු

අදහස් කෙරේ.

2. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක් විසින් කිසියම් අවස්ථාවක ගිවිසුමේ විවිධාත අදාල කර ගැනීම සම්බන්ධයෙන්, එහි අර්ථකථනය කර නොමැති යම් පදයක්, පද සම්බන්ධය අනුව වෙනත් අයුරකින් තේරුම් ගැනීම අවශ්‍ය වන්නේ නම් මිස, මෙම ගිවිසුමට විෂයවන බදු සම්බන්ධයෙන් එම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ නීති යටතේ එම පදය දරන අර්ථයම දැරිය යුතුය.

4 වැනි වගන්තිය
වාසිකයා

1. මෙම ගිවිසුමෙහි කාර්යයන් සඳහා "ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයා" යන පදයෙන් එම රාජ්‍යයේ නීති යටතේ ඔහුගේ නිත්‍ය වාසය, වාසස්ථානය, කළමනාකරණ ස්ථානය, ලියාපදිංචි ස්ථානය හෝ එවැනි ස්වභාවයක වෙනත් යම් නිර්ණායකයක් හේතුකොට ගෙන එම රාජ්‍යය තුළ බදු අය කරනු ලැබීමට යටත් වන යම්

නැනැත්තකු අදහස් කෙරේ. එහෙත් එම රාජ්‍යයේ ප්‍රභවයන්ගෙන් හෝ එහි පිහිටි ප්‍රාග්ධනයෙන් ලැබෙන ආදායම සම්බන්ධයෙන් පමණක් එම රාජ්‍යය තුලදී බද්දට යටත් වන යම් නැනැත්තකු මෙම පදයට ඇතුලත් නොවේ.

2. 1 වන ඡේදයේ විධිවිධාන හේතුකොට යෙන යම් පුද්ගලයෙකු ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයන් දෙකෙහිම වාසිකයකු වන කල්හි, මහුගේ වාසිකභාවය පහත සඳහන් පරිදි නිරණය කළ යුතුය:

(අ) මහුට ස්ථිර නිවාසයක් තිබෙන රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු ලෙස මහු සැලකිය යුතු අතර, මහුට රාජ්‍යයන් දෙකෙහිම ස්ථිර නිවාසයක් තිබේ නම් එම පුද්ගලයා සමඟ වඩා සමීප පෞද්ගලික හා ආර්ථික සම්බන්ධතා තිබෙන (මහුගේ මූතා වැදගත් සම්බන්ධතාවල කේන්ද්‍රස්ථානය වන) රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු ලෙස මහු සලකනු ලැබිය යුතුය;

(ආ) මහුගේ මූතා වැදගත් සම්බන්ධතාවල කේන්ද්‍රස්ථානය වන රාජ්‍යය නිගමනය කල නොහැකි නම් හෝ මූන් එක් රාජ්‍යයකවත් මහුට ස්ථිර නිවාසයක් නොතිබේ නම් මහුට නිත්‍ය වාසස්ථානයක් තිබෙන රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු ලෙස මහු සලකනු ලැබිය යුතුය;

(ඇ) මහුට රාජ්‍යයන් දෙකෙහිම නිත්‍ය වාසස්ථානයක් තිබෙනම් හෝ මූන් එකකවත් එවැන්නක් නොතිබේ නම් හෝ මහු රටවැසියකු වන ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු ලෙස සලකනු ලැබිය යුතුය;

(ඈ) මහු රාජ්‍යයන් දෙකෙහිම රටවැසියකු වේ නම් හෝ මූන් එකකවත් රටවැසියකු නොවේනම් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයන්හි නිසි බලධාරීන් විසින් අනොන්‍ය එකඟත්වයකින් ප්‍රශ්නය තීරාකරණය කරගනු ලැබිය යුතුය.

3. 1 වන ඡේදයේ විධිවිධාන හේතු කොටගෙන පුද්ගලයෙකු නොවන යම් නැනැත්තෙකු ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයන් දෙකෙහිම වාසිකයකු වන කල්හි එහි ලියාපදිංචි ස්ථානය තිබෙන රාජ්‍යයේ පමණක් වාසිකයකු ලෙස එය සලකනු ලැබිය යුතුය. කෙසේ වුවද ලියාපදිංචි ස්ථානය ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයන් දෙකෙහිම තිබෙනම්, රාජ්‍යයන්හි නිසි බලධාරීන් අනොන්‍ය එකඟත්වයකින් ප්‍රශ්නය තීරාකරණය කරගනු ලැබිය යුතුය.

5 වැනි වගන්තිය
ස්ථිර ආයතනය

1. මෙම ගිවිසුමේ කාර්යයන් සඳහා "ස්ථිර ආයතනය" යන පදයෙන් ව්‍යවසායයෙහි ව්‍යාපාරික කටයුතු මුළුමනින්ම හෝ අඩ වශයෙන් කරගෙන යනු ලබන ස්ථිර ව්‍යාපාරික ස්ථානයක් අදහස් කෙරේ.

2. "ස්ථිර ආයතනය" යන පදයට:

   (අ) කළමනාකරණ ස්ථානයක්;
   (ආ) ශාඛාවක්;
   (ඇ) කාර්යාලයක්;
   (ඈ) කර්මාන්තශාලාවක්;
   (ඉ) වැඩපලක්;
   (ඒ) පතලක්, තෙල් හෝ ගෑස් ආකරයක්, ගල් වලක් හෝ ස්වාභාවික සම්පත් නිස්සාරණය කරන වෙනත් යම් ස්ථානයක්;
   (ඔ) අනෙකුත් අය සඳහා ගබඩා පහසුකම් සලසන නැනැත්තකු සම්බන්ධයෙන් ගුදමක්; සහ
   (ඕ) ස්ථාපන ආකෘතියක් හෝ ස්වාභාවික සම්පත් ගවේෂණය සඳහා යොදා ගන්නා උපකරණ;

   විශේෂයෙන් ඇතුළත් වේ.

3. "ස්ථිර ආයතනය" යන පදයට ගොඩනැගිලි වැඩබිමක්, ඉදිකිරීමක්, එකලස් කිරීමේ හෝ පිහිටුවාලීමේ ව්‍යාපෘතියක් ඊට සම්බන්ධ අධීක්ෂණ කටයුතු ද සමඟ අයත්වේ. එහෙත් එම වැඩබිම, ව්‍යාපෘතිය හෝ එහි කටයුතු කිසියම් දොළොස් මසක කාලපරිච්ඡේදයක් තුළ දින 90 කට වැඩි කාලයක් පවතිනම් පමණි.

4. මෙම වගන්තියේ පූර්ව විධිවිධානයන්හි කුමක් සඳහන් වුවද, "ස්ථිර ආයතනය" යන පදයට පහත සඳහන් දෑ ඇතුළත් නොවන බව සැලකිය යුතුය:

   (අ) ව්‍යවසායයට අයත් භාණ්ඩ හෝ වෙළඳ ද්‍රව්‍ය ගබඩා කිරීමේ හෝ ප්‍රදර්ශනය කිරීමේ කාර්යය සඳහා පමණක් පහසුකම් ප්‍රයෝජනයට ගැනීම;

   (ආ) ව්‍යවසායට අයත් භාණ්ඩ හෝ වෙළඳ ද්‍රව්‍ය තොගයක් ගබඩා කිරීමේ හෝ ප්‍රදර්ශනය කිරීමේ කාර්යය සඳහා පමණක් පවත්වාගෙන යාම;

   (ඇ) වෙනත් ව්‍යවසායයක් විසින් සකසනු ලැබීමේ කාර්යය සඳහා පමණක් ව්‍යවසායයට අයිති භාණ්ඩ හෝ වෙළඳ ද්‍රව්‍ය තොගයක් පවත්වාගෙන යාම;

(ඇ) ව්‍යවසාය සඳහා භාණ්ඩ හෝ වෙළඳ ද්‍රව්‍ය මිලයට ගැනීමේ හෝ තොරතුරු රැස් කිරීමේ කාර්යය සඳහා පමණක් ස්ථිර ව්‍යාපාරික ස්ථානයක් පවත්වාගෙන යාම;

(ඉ) ව්‍යවසාය සඳහා ප්‍රාරම්භක හෝ සහායක ස්වරූපයක් ගන්නා වෙනත් යම් කටයුත්තක් කරගෙන යනු ලැබීමේ කාර්යය සඳහා පමණක්ම ස්ථිර ව්‍යාපාරික ස්ථානයක් පවත්වාගෙන යාම;

5. 7 වන ඡේදය අදාල වන ස්වාධීන තත්වයේ නියෝජිතයකු වන්නා වූ තැනැත්තකු හැර යම් තැනැත්තකු ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයකදී අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ ව්‍යවසායක් වෙනුවෙන් ක්‍රියාකරන අවස්ථාවකදී,

(අ) එම තැනැත්තාගේ කටයුතු 4 වන ඡේදයේ සඳහන් කටයුතු වලට සීමාවන්නාවූ ද, ස්ථිර ව්‍යාපාරික ස්ථානයක් මගින් ක්‍රියාත්මක කලහොත් එම ස්ථිර ව්‍යාපාරික ස්ථානය එකී ඡේදයේ විධිවිධාන යටතේ ස්ථිර ආයතනයක් බවට පත් නොකරන්නාවූද, කටයුතු වන්නේ නම් හැර, ව්‍යවසාය වෙනුවෙන් ගිවිසුම් වලට එළඹීමේ බලයක් ඇත්නාවූද, එම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී එම බලය සිරිතක් වශයෙන් ක්‍රියාත්මක කරන්නාවූද, තැනැත්තෙකු; හෝ

(ආ) එවැනි බලයක් නොමැති වුවත්, පළමු සඳහන් රාජ්‍යයේදී සිරිතක් වශයෙන් පවත්වාගෙන යන්නාවූ එම ව්‍යවසායට අයත් භාණ්ඩ හෝ, වෙළඳ ද්‍රව්‍ය තොගයකින් මහු විසින් ව්‍යවසාය වෙනුවෙන් භාණ්ඩ හෝ වෙළඳ ද්‍රව්‍ය නිකුත් කරන්නාවූද තැනැත්තකු; හෝ

(ඇ) ව්‍යවසාය විසින් පාලනය කරනු ලබන හෝ පාලන සම්බන්ධයක් ඇති එම ව්‍යවසාය සහ වෙනත් ව්‍යවසායයක් සඳහා පළමු සඳහන් රාජ්‍යයේදී සිරිතක් වශයෙන් ණයවුම් හාර ගන්නාවූ තැනැත්තකු,

වන්නේ නම් එම තැනැත්තා ව්‍යවසාය වෙනුවෙන් හාර ගන්නාවූ යම් කටයුතු සම්බන්ධයෙන් එම ව්‍යවසායට පළමු සඳහන් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි ස්ථිර ආයතනයක් ඇති ලෙස 1 වන හා 2 වන ඡේදවල විධිවිධාන නොතකා සැලකිය යුතුය.

6. ප්‍රතිරක්ෂණ කටයුතු සම්බන්ධයෙන් හැර, ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක රක්ෂණ ව්‍යවසායක් අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ භූමි ප්‍රදේශය තුළ වාරික එකතු කරන්නේ නම් හෝ 7 වන ඡේදය අදාලවන ස්වාධීන තත්ත්වයේ නියෝජිතයකු වන්නා වූ තැනැත්තකු හැර වෙනත් තැනැත්තකු මගින් එම භූමි ප්‍රදේශය තුළ පවතින අවදානම් රක්ෂණය කරන්නේ නම් මෙම වගන්තියේ පූර්ව විධිවිධානයන් නොසලකා එයට අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ ස්ථිර ආයතනයක් තිබේයැයි සලකනු ලැබිය යුතුය.

7. ස්වකීය සාමාන්‍ය ක්‍රියාපරිපාටිය අනුව ක්‍රියාකරන තැරැව්කරුවකු, සාමාන්‍ය කොමිස් නියෝජිතයකු හෝ ස්වාධීන තත්වයක් දරන වෙනත් යම් නියෝජිතයකු මගින් ශ්‍රීවිසුම්කාර රාජ්‍යයක ව්‍යවසායක් අනෙක් ශ්‍රීවිසුම්කාර රාජ්‍ය තුළ ව්‍යාපාර කටයුතු කරගෙන යාම එකම හේතුව නිසාවෙන්ම එකී ව්‍යවසායට එකී අනෙක් රාජ්‍යයේ ස්ථිර ආයතනයක් නිබෙයයි නොසැලකිය යුතුය. කෙසේ වුවද එම නියෝජිතයා සහ ව්‍යවසාය අතර ගනුදෙනුව අනේ දුරින් වූ නොත්දේසි යටතේ සිදුවී නොමැති බව පෙන්වා දුනහොත්, එවැනි නියෝජිතයකුගේ කටයුතු එම ව්‍යවසාය වෙනුවෙන් සම්පූර්ණයෙන්ම හෝ ප්‍රධාන වශයෙන් කැපකොට ඇති වුවද, මෙම ඡේදයේ අර්ථය තුළ මහු නිදහස් තත්වයක් දරන නියෝජිතයකු ලෙස සලකනු නොලැබිය යුතුය.

8. ශ්‍රීවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසික සමාගමක්, අනෙක් ශ්‍රීවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ වාසික වන හෝ (ස්ථිර ආයතනයක් මගින් හෝ වෙනත් යම් මාර්ගයකින්) එම අනෙක් ශ්‍රීවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ ව්‍යාපාරික කටයුතු කරගෙන යන සමාගමක් පාලනය කිරීම හෝ එවැනි සමාගමක් විසින් පාලනය කරනු ලැබීම එක් සමාගමක් අනෙකෙහි ස්ථිර ආයතනයක් වීමේ සාධකයක් නොවිය යුතුය.

6 වැනි වගන්තිය
නිශ්චල දේපල වලින් ලැබෙන ආදායම

1. ශ්‍රීවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකු විසින් අනෙක් ශ්‍රීවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ පිහිටි (කෘෂිකර්මයෙන් හෝ වන කර්මාන්තයෙන් ලබන ආදායම ද ඇතුළුව) නිශ්චල දේපලවලින් ලබන ආදායම එම අනෙක් ශ්‍රීවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහිදී බද්දට යටත් කළ හැකිය.

2. "නිශ්චල දේපල" යන පදය, ප්‍රශ්නයට තුඩුදී ඇති දේපල පිහිටි ශ්‍රීවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ නීතිය යටතේ එම පදය දරන අර්ථයම දැරිය යුතුය. කුමන අවස්ථාවකදී වුවද මෙම පදයට නිශ්චල දේපල වලට අනුබද්ධ වන දේපල, පශු සම්පත් සහ කෘෂිකර්මයෙහිදී සහ වන කර්මාන්තයෙහිදී පාවිච්චි කරන උපකරණ, ඉඩකඩම් දේපල සම්බන්ධ සාමාන්‍ය නීතියේ විධිවිධාන අදාළ වන අයිතිවාසිකම්, නිශ්චල දේපල වල බුක්තිය සහ බණිජ නිධි, ප්‍රභවයන් සහ වෙනත් ස්වාභාවික සම්පත් ප්‍රයෝජනයට ගැනීම හෝ ප්‍රයෝජනයට ගැනීමේ අයිතිවාසිකම් සඳහා ප්‍රතිඵල වශයෙන් විවෘත හෝ ස්ථිර ගෙවීම් ලැබීමේ අයිතිවාසිකම් ඇතුළත් විය යුතුය. නැව්, බෝට්ටු සහ ගුවන් යානා, නිශ්චල දේපල ලෙස නොසැලකිය යුතුය.

3. නිශ්චල දේපල කෙළින්ම ප්‍රයෝජනයට ගැනීමෙන්, කුලියට දීමෙන් හෝ වෙනත් යම් ආකාරයකින් ප්‍රයෝජනයට ගැනීමෙන් ලැබෙන ආදායමට මෙම වගන්තියේ 1 වැනි ඡේදයේ විධිවිධාන අදාළ විය යුතුය.

4. යම් ව්‍යවසායක නියෝජ්‍ය දේපල වලින් ලැබෙන ආදායමට ද, ස්වාධීන පෞද්ගලික සේවා ඉටු කිරීම සඳහා යොදා ගන්නා නියෝජ්‍ය දේපල වලින් ලැබෙන ආදායමට ද 1 වැනි සහ 3 වැනි ඡේදවල විධිවිධාන අදාළ විය යුතුය.

7 වැනි වගන්තිය
ව්‍යාපාර ලාභ

1. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක ව්‍යවසායක් අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි පිහිටි ස්ථිර ආයතනයක් මගින් එකී අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි ස්වකීය ව්‍යාපාර කටයුතු පවත්වා ගෙන යන්නේ නම් මිස, එම ව්‍යවසායයෙහි ලාභ බද්දට යටත් කළ හැකි වන්නේ එකී ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහිදී පමණකි. ව්‍යවසාය ඉහත කී පරිදි ව්‍යාපාරික කටයුතු පවත්වා ගෙන යනොත් ව්‍යවසායයෙහි ලාභ අනෙක් රාජ්‍යයෙහිදී බද්දට යටත් කළ හැකි නමුත් එසේ බද්දට යටත් කළ හැකි වන්නේ, (අ) එම ස්ථිර ආයතනයට, (ආ) එම ස්ථිර ආයතනය මගින් අනෙක් රාජ්‍යයේදී විකුණනු ලැබූ භාණ්ඩ හෝ වෙළඳ ද්‍රව්‍ය හෝ ඊට සමාන හෝ සමාන වර්ගයේ භාණ්ඩ විකුණුම් වලට; හෝ (ඇ) එම ස්ථිර ආයතනය මගින් කරගෙන යන ලද ආකාරයේ ව්‍යාපාර කටයුතු හෝ ඊට සමාන හෝ සමාන වර්ගයේ වෙනත් ආකාරයේ ව්‍යාපාර කටයුතු වලට ආරෝපනය කළ හැකි ව්‍යවසායේ ලාභ ප්‍රමාණය පමණි.

2. 3 වන ඡේදයේ විධිවිධාන වලට යටත්ව එක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක ව්‍යවසායයක් අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි පිහිටි ස්ථිර ආයතනයක් මගින් එකී අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි ස්වකීය ව්‍යාපාර පවත්වාගෙන යන අවස්ථාවකදී, ස්ථිර ආයතනයක් වන ව්‍යවසායයක් සමඟ එම තත්වයෙන්ම හෝ සමාන තත්වයන් යටතේ, එම කටයුතු වලට හෝ සමාන කටයුතු වල සම්පූර්ණයෙන් ස්වාධීනව නිරත වන වෙනම හා වෙනස් ව්‍යවසායක් වුයේ නම් ඊට ලැබෙතැයි අපේක්ෂා කළ හැකි ලාභ, එම ස්ථිර ආයතනයට ලැබුණු ලෙස එක් එක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයකදී සලකනු ලැබිය යුතුය.

3. ස්ථිර ආයතනයක ලාභ තීරණය කිරීමේදී ස්ථිර ආයතනයේ ව්‍යාපාරික කාර්යයන් සඳහා දරන ලද වියදම් එසේ දරන ලද, විධායක සහ පොදු පරිපාලන වියදම් ද ඇතුළුව එම ස්ථිර ආයතනය පිහිටි රාජ්‍යයේදී හෝ වෙනත් ස්ථානයකදී එම වියදම් දරනු ලැබුවේ වුවද, ඒවා අඩුකිරීම් ලෙස ඉඩ දිය යුතුය. කෙසේ වුවද, (සත්‍ය වශයෙන්ම දරන ලද වියදම් ප්‍රතිපූර්ණය කිරීම පමණක් නැර) පුරස්කාර, පේටන්ට් හෝ වෙනත් අයිතිවාසිකම් භාවිතා කිරීම වෙනුවෙන් ගාස්තු හෝ වෙනත් ඒ හා සමාන ගෙවීම් හෝ විශේෂිත ස්වරූපයේ සේවාවන් ඉටු කිරීම හෝ කළමනාකරණය සඳහා කොමිස් වශයෙන් හෝ, බැංකු ව්‍යවසායක් වන අවස්ථාවකදී හැර, ස්ථිර ආයතනයට ණයට දෙන ලද මුදල් මත පොළී වශයෙන් හෝ, ස්ථිර ආයතනයක්

විසින් එහි ප්‍රධාන කාර්යාලයට හෝ එහි වෙනත් කාර්යාලයකට ගෙවනු ලබන යම් මුදල් ප්‍රමාණයක් වෙතොත් ඒ සම්බන්ධයෙන්, එවැනි අඩු කිරීමකට ඉඩ නොදිය යුතුය. එසේම (සත්‍ය වශයෙන්ම දරන ලද වියදම් ප්‍රතිපූරණය කිරීම පමණක් හැර) පුරස්කාර, පේටන්ට් හෝ වෙනත් අයිතිවාසිකම් භාවිතා කිරීම වෙනුවෙන් ගාස්තු හෝ වෙනත් ඒ හා සමාන ගෙවීම් හෝ විශේෂිත ස්වරූපයේ සේවාවක් ඉටුකිරීම හෝ කළමනාකරණය සඳහා කොමිස් වශයෙන් හෝ, බැංකු ව්‍යවසායක් වන අවස්ථාවකදී හැර, ව්‍යවසායේ ප්‍රධාන කාර්යාලයට හෝ එහි වෙනත් කාර්යාල වලට ණයට දෙන ලද මුදල් මත පොලි වශයෙන් හෝ ස්ථිර ආයතනය විසින් ව්‍යවසායේ ප්‍රධාන කාර්යාලයෙන් හෝ එහි වෙනත් කාර්යාලයකින් අය කරන ලද මුදල් ප්‍රමාණයත්, ස්ථිර ආයතනයේ ලාභ නිර්ණයනය කිරීමේදී ගණන් නොගත යුතුය.

4. ස්ථිර ආයතනය ප්‍රමාණවත් තොරතුරු ලබාදීම ප්‍රතික්ෂේප කරන අවස්ථාවකදී යම් තැනැත්තකුගේ බදු බැදියාව තීරණය කිරීම සම්බන්ධයෙන්, ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක යම් නීතියක් අදාල කර ගැනීමෙහිලා මෙම වගන්තියේ කිසිවක් බලනොපෑ යුතුය.

5. ව්‍යාපාරයේ මුළු ලාභය එහි විවිධ කොටස් වලට විභාජනය කිරීමේ ක්‍රමය පදනම් කොට ගෙන ස්ථිර ආයතනයකට ආරෝපණය කළ යුතු ලාභ නිර්ණයනය කිරීම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක සිරිතක්ව පවතින්නාක් කල් මෙම වගන්තියේ 2 ඡේදයෙහි ඇති කිසිවක් එම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍ය එසේ සිරිත් පරිදි කළ හැකි විභාජනය මගින් බදු අයකළ හැකි ලාභ නිර්ණය කිරීමෙන් නොවැලැක්විය යුතුය. කෙසේ වුවද, අනුගමනය කරන විභාජනය කිරීමේ ක්‍රමය මෙම වගන්තියේ ඇතුළත් මූලධර්මයනට අනුකූල වන ප්‍රතිඵලය ඇති කරන්නක් විය යුතුය.

6. එසේ නොකිරීමට සුදුසු හා ප්‍රමාණවත් හේතු ඇත්තේනම් මිස, ඉහත කී ඡේදයෙහි කාර්යයන් සඳහා වර්ෂයෙන් වර්ෂයට එකම ක්‍රමය මගින් ස්ථිර ආයතනයකට ආරෝපණය කළ යුතු ලාභය තීරණය කළ යුතුය.

7. මෙම ගිවිසුමෙහි වෙනත් වගන්තිවල වෙනම සඳහන් කරනු ලැබ ඇති ආදායම් විෂයාංක වලට ලාභ ඇතුළත් වන අවස්ථාවකදී එකී වගන්තිවල විධිවිධාන සම්බන්ධයෙන් මෙම වගන්තියේ විධිවිධාන බල නොපෑ යුතුය.

8 වැනි වගන්තිය
නාවික හා ගුවන් පරිවහනය

1. ජාත්‍යන්තර ගමනාගමනයෙහිලා නැව් මෙහෙයුම් කිරීමෙන් එක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයකදී අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ ව්‍යවසායයක් විසින් ලබන ලාභ මුලින් සඳහන් කළ රාජ්‍යයේදී බද්දට යටත් කළ හැකි තමුත් එසේ අය කරනු ලබන බද්දෙන් සියයට 50 කට සමාන ප්‍රමාණයක් අඩු කළ යුතුය.

2. ජාත්‍යන්තර ගමනාගමනයෙහිලා ගුවන්යානා මෙහෙයුම් කිරීමෙන් ලබාගන්නා ලාභ වලින් බදු අය කළ යුතු වන්නේ ගුවන් යානා මෙහෙයවන ව්‍යවසාය වාසිකයකු වන ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී පමණකි.

3. 1 හා 2 ඡේදයන්හි විධිවිධාන සංචිතයකට සහභාගිවීමෙන්, බද්ධ ව්‍යාපාරයකින් හෝ ජාත්‍යන්තර මෙහෙයුම් නියෝජ්‍යායතනයකින් ලබන ලාභ වලටද අදාළ විය යුතුය.

9 වැනි වගන්තිය
සම්බන්ධිත ව්‍යවසායයන්

(අ) ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක ව්‍යවසායයක් අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ ව්‍යවසායක කළමනාකරණය, පාලනය හෝ ප්‍රාග්ධනය සම්බන්ධයෙන් සෘජුව හෝ වක්‍ර ලෙස සහභාගි වන, හෝ

(ආ) එකම තැනැත්තන් එක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක ව්‍යවසායක සහ අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ ව්‍යවසායක කළමනාකරණයට, පාලනයට හෝ ප්‍රාග්ධනයට සෘජුව හෝ වක්‍ර ලෙස සහභාගි වන අවස්ථාවක,

සහ ඒ අවස්ථා දෙකින් කවර අවස්ථාවකදී වුවද ස්වාධීන ව්‍යවසායයන් අතර පවත්නා වාණිජ්‍ය හා මූල්‍ය සම්බන්ධතා පිළිබඳ කොන්දේසි වලට වෙනස් කොන්දේසි ඒ ව්‍යවසායයන් දෙක අතර පිළියෙළ කර හෝ පනවා ඇති කල්හි ද, ඒ කොන්දේසි නොතිබුණේ නම් ඒ ව්‍යවසායයන්ගෙන් එකකට උපචිත විය හැකි වූ නමුත්, ඒ කොන්දේසි නිසා එසේ උපචිත නොවූ කවර ලාභ වුවද, ඒ ව්‍යවසායයේ ලාභ වලට ඇතුලත් කර, ඒ අනුව ලාභ මත බදු අය කළ හැකිය.

10 වැනි වගන්තිය
ලාභාංශ

1. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසික වන සමාගමක් විසින් අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකුට ගෙවනු ලබන ලාභාංශ එකී අනෙක් රාජ්‍යයේදී බද්දට යටත් කළ හැකිය.

2. කෙසේ වුවද, ලාභාංශ ගෙවන සමාගම වාසික වන ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදීද එම රාජ්‍යයේ නීති අනුව එවැනි ලාභාංශ වලින් බදු අය කළ හැකි නමුත්, ලාභාංශ ලබන්නා ලාභාංශවල අර්ථලාභී හිමිකරු වේ නම්, එසේ අය කරන බද්ද, දළ ලාභාංශ ප්‍රමාණයෙන් 10% නොඉක්මවිය යුතුය.

ලාභාංශ ගෙවනු ලබන ලාභ සම්බන්ධයෙන් සමාගමෙන් බදු අය කිරීමට මෙම ඡේදයේ විධිවිධාන බල නොපෑ යුතුය.

3. මෙම වගන්තියෙහි යොදා ගනු ලැබ ඇති පරිදි "ලාභාංශ" යන පදයෙන් කොටස් වලින්, හෝ ණය හිමිකම් නොවන වෙනත් අයිතිවාසිකම් වලින්, ලාභයට සහභාගිවීමෙන් ලබන ආදායම මෙන්ම, බෙදා හැරීම් කරනු ලබන සමාගම් වාසික වන ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ නීති මගින් කොටස් වලින් ලබන ආදායම් බදුකරණයට හාජනය කරනු ලබන ආකාරයටම, බදුකරණයට හාජනය වන්නාවූ වෙනත් සංස්ථාපිත අයිතිවාසිකම් වලින් ලබන ආදායම් ද අදහස් කෙරේ.

4. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකු වන්නා වූ, ලාභාංශ වල අර්ථලාභී හිමිකරු, ලාභාංශ ගෙවන සමාගම වාසික වන අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී එහි පිහිටි ස්ථිර ආයතනයක් මගින් ව්‍යාපාරයක් පවත්වාගෙන යන්නේ නම් හෝ එම අනෙක් රාජ්‍යයේ පිහිටි ස්ථිර පදනමක සිට ස්වාධීන පෞද්ගලික සේවා ඉටු කරන්නේ නම් සහ ලාභාංශ ගෙවනු ලබන ධාරකය එම ස්ථිර ආයතනය හෝ ස්ථිර පදනම සමග ඵලදායී ලෙස සම්බන්ධව පවතින්නේ නම්, මෙම වගන්තියේ 1 වැනි හා 2 වැනි ඡේදවල විධිවිධාන අදාළ නොවිය යුතුය. එවැනි අවස්ථාවලදී උචිත පරිදි 7 වැනි වගන්තියේ හෝ 15 වැනි වගන්තියේ විධිවිධාන අදාළ විය යුතුය.

5. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසික වන සමාගමක් අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙන් ලාභ හෝ ආදායම් උපයන අවස්ථාවකදී සමාගම විසින් ගෙවනු ලබන ලාභාංශ මත, එවැනි ලාභාංශ එම අනෙක් රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකුට ගෙවනු ලබන විටෙක හැර, හෝ එම අනෙක් රාජ්‍යයේ පිහිටි ස්ථිර ආයතනයක් හෝ ස්ථිර පදනමක් සමග ඵලදායී ලෙස සම්බන්ධවී ඇති ධාරකයන් සම්බන්ධයෙන් වන විටක හැර, සමාගම විසින් ගෙවනු ලබන ලාභාංශ සම්බන්ධයෙන් බදු කිසිවක් එම අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යය විසින් නොපනවා සිටිය හැකිවාක් මෙන්ම, ගෙවන ලද ලාභාංශ හෝ නොබෙදූ ලාභ එම අනෙක් රාජ්‍යයෙහි පැන නගින ලාභ හෝ ආදායම් වලින් සම්පූර්ණ හෝ අර්ධ වශයෙන් සමන්විත වන්නේ වුවද සමාගමේ නොබෙදූ ලාභ, සමාගමේ නොබෙදූ ලාභ මත වන බද්දකට යටත් නොකර ද සිටිය හැකිය.

11 වැනි වගන්තිය
පොලිය

1. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයකදී උද්ගතවන සහ අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු වෙත ගෙවන පොලී වලින් ඒ අනෙක් රාජ්‍යයෙහිදී බදු අය කළ හැකිය.

2. කෙසේ වුවද, එම පොලියෙන් එය උද්ගත වන ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහිදී ද, එම රාජ්‍යයේ නීතිය අනුව බදු අය කළ හැකි නමුත් පොලී ලාභියා පොලියේ අර්ථලාභී හිමිකරු වේ නම්, එසේ අය කරනු ලබන බද්ද දළ පොලී මුදල් ප්‍රමාණයෙන් සියයට 10 ක් නොඉක්මවිය යුතුය.

3. මෙම වගන්තියේ 2 ඡේදයේ කුමක් සඳහන් වුවද, එක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක උද්ගත වූ පොලිය හා අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ පළාත් පාලන ආයතන, මහ බැංකුව හෝ රජය විසින් පාලනය කරනු ලබන වෙනත් මූල්‍ය ආයතනයක් ඇතුළුව එහි ආණ්ඩුව ලබන පොලිය, පළමුව සඳහන් රාජ්‍යයේදී බද්දෙන් නිදහස් වේ.

මෙම වගන්තියේ කාර්යයන් සඳහා "මහ බැංකුව" සහ "එම රජය විසින් පාලනය කරන මූල්‍ය ආයතන" යන පදවලින්:

(අ) ශ්‍රී ලංකාව සම්බන්ධයෙන්;
   (i) ශ්‍රී ලංකා මහ බැංකුව,
   (ii) ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයන්හි ආණ්ඩුව විසින් කලින් කල එකඟවන පරිදි ශ්‍රී ලංකා ආණ්ඩුවට සම්පූර්ණයෙන් ප්‍රාග්ධනය හිමි එවැනි වෙනත් මූල්‍ය ආයතනයක්;

(ආ) වියට්නාමය සම්බන්ධයෙන්;
   (i) වියට්නාම රාජ්‍ය බැංකුව,
   (ii) ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයන්හි ආණ්ඩුව විසින් කලින් කල එකඟවන පරිදි වියට්නාම ආණ්ඩුවට සම්පූර්ණයෙන් ප්‍රාග්ධනය හිමි එවැනි වෙනත් මූල්‍ය ආයතනයක්;

අදහස් කෙරේ.

4. මෙම වගන්තියේ යෙදී ඇති "පොලිය" යන පදයෙන්, උකසක් මගින් ඇප තබා ඇති හෝ නැති, ණයගැතියාගේ ලාභ වලට සහභාගිවීමේ අයිතිවාසිකම් සහිත හෝ රහිත සියළු වර්ගයන්හි ණය හිමිකම් වලින් ලැබෙන ආදායම සහ විශේෂයෙන් රජයේ සුරැකුම්පත් වලින් ලැබෙන ආදායම සහ එවැනි ඇප සුරැකුම්පත්, බැඳුම්කර හෝ සෘණ පත්‍රවලට අනුයුක්ත වාරික සහ ත්‍යාග ඇතුළත් බැඳුම්කර හා සෘණ පත්‍ර වලින් ලැබෙන ආදායම අදහස් වේ. මෙම වගන්තියේ කාර්යයන් සඳහා ප්‍රමාද ගෙවීම් වෙනුවෙන් අය කරන දඩ මුදල් පොලිය ලෙස නොසැලකේ.

5. එක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයෙකු වන පොලියෙහි අර්ථලාභී හිමිකරු, පොලිය උද්ගතවන අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි පිහිටි ස්ථිර ආයතනයක් මගින් ව්‍යාපාරික කටයුතු පවත්වා ගෙන යන්නේ නම් හෝ එහි පිහිටි ස්ථිර පදනමකින් එම

රාජ්‍යයේදී ස්වාධීන පෞද්ගලික සේවාවන් ඉටු කරන්නේ නම් සහ පොලිය ගෙවනු ලබන ණය හිමිකම (අ) එවැනි ස්ථිර ආයතනයක් හෝ ස්ථිර පදනමක් සමඟ හෝ (ආ) 7 වන වගන්තියේ 1 ඡේදයේ (ඇ) උප ඡේදයේ සඳහන් ව්‍යාපාර කටයුතු සමඟ ක්‍රියාකාරීව සම්බන්ධවී ඇත්නම් 1 වන, 2 වන සහ 3 වන ඡේදවල විධිවිධාන අදාල නොවිය යුතුය. එවැනි අවස්ථාවක 7 වන වගන්තියේ හෝ 15 වන වගන්තියේ විධිවිධාන අවස්ථාවෝචිත පරිදි අදාල විය යුතුය.

6. පොලිය ගෙවන්නා එම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයම, එහි පළාත් පාලන ආයතනයක් හෝ එම රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු වන කල්හි, පොලිය එම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී උද්ගත වන ලෙස සැලකිය යුතුය. කෙසේ වෙතත්, පොලී ගෙවන්නා වූ නැනැත්තා ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයෙකු වුවද, නොවුවද, මනුට පොලිය ගෙවීමට හෝ උපචිත වීමට අදාල වූ ණයගැනි හාවය හා සම්බන්ධ ස්ථිර ආයතනයක් හෝ ස්ථිර පදනමක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක තිබෙන අවස්ථාවකදී සහ එම පොලිය දරනු ලබන්නේ එම ස්ථිර ආයතනය හෝ ස්ථිර පදනම විසින් නම්, ස්ථිර ආයතනය හෝ පදනම තිබෙන රාජ්‍යයේදී එම පොලිය උද්ගත වන ලෙස සැලකිය යුතුය.

7. ගෙවන්නා සහ අර්ථලාභී හිමියා අතර, හෝ මවුන් දෙදෙනා සහ වෙනත් යම් නැනැත්තෙකු අතර පවත්නා විශේෂ සම්බන්ධයක් නිසා, ගෙවනු ලබන පොලී ප්‍රමාණය, එය ගෙවනු ලබන ණය හිමිකම් සැලකිල්ලට ගනිමින්, එවැනි සම්බන්ධයක් නොමැති අවස්ථාවක දී ගෙවන්නා සහ අර්ථලාභී හිමිකම් ඇති නැනැත්තා විසින් එකඟ විය හැකිව තිබුණු ප්‍රමාණය ඉක්මවන්නේ නම්, මෙම වගන්තියේ විධිවිධාන බල පැවැත්විය යුත්තේ අන්තිමට සඳහන් කළ ප්‍රමාණයට පමණි. එවැනි අවස්ථාවක ගෙවීම් වල අතිරික්ත කොටස, මෙම ගිවිසුමේ අනෙක් විධිවිධානයන් කෙරෙන නිසි සැලකිල්ලක් දක්වමින් ඒ ඒ ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ නීතියට අනුව තවදුරටත් බදු වලට යටත් කළ යුතුය.

12 වැනි වගන්තිය
පුරස්කාර

1. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක උද්ගත වන සහ අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු වෙත ගෙවන පුරස්කාර, ඒ අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ දී බද්දට යටත් කළ හැකිය.

2. කෙසේ වෙතත්, එම පුරස්කාර, ඒවා උද්ගත වන ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී ද, එම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ නීතියට අනුව බද්දට යටත් කළ හැකි වේ. එහෙත් පුරස්කාර ලබන්නා පුරස්කාරවල අර්ථලාභී හිමිකරු වන්නේ නම්, එසේ අය කෙරෙන බද්ද එම පුරස්කාර වල දළ ප්‍රමාණයෙන් සියයට 15% නොඉක්මවිය යුතුය.

3. මෙම වගන්තියේ යොදා ඇති පරිදි "පුරස්කාර" යන පදයෙන් සිනමා රූපක චිත්‍රපට හෝ ගුවන්විදුලි හෝ රූපවාහිනී විකාශනය සඳහා යොදා ගන්නා පටල, හඩපටි හෝ තැටි ඇතුළු කිසියම් සාහිත්‍යමය, කලාත්මක හෝ විද්‍යාත්මක කෘතියක ප්‍රකාශන අයිතියක්, පේටන්ට් බලපත්‍රයක්, වෙළෙඳ ලකුණක්, මෝස්තරයක් හෝ ආදර්ශකයක්, පරිගණක මෘදුකාංග වැඩසටහනක්, පිඹුරක්, රහස්‍ය වටටෝරුවක් හෝ ක්‍රියාවලියක් හෝ පාවිච්චි කිරීමට හෝ පාවිච්චි කිරීමේ අයිතිය සඳහා හෝ කාර්මික, වාණිජමය හෝ විද්‍යාත්මක උපකරණ හෝ කාර්මික, වාණිජමය හෝ විද්‍යාත්මක අත්දැකීමක් පිළිබඳ තොරතුරු පාවිච්චි කිරීම හෝ පාවිච්චි කිරීමේ අයිතිය සඳහා ප්‍රතිඵලයක් වශයෙන් ලැබුණු ඕනෑම වර්ගයක ගෙවීම් අදහස් කෙරේ.

4. එක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකු වන පුරස්කාරවල අර්ථලාභී හිමිකරු, පුරස්කාර උද්ගත වන අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී එහි පිහිටි ස්ථිර ආයතනයක් මගින් ව්‍යාපාරයක් කරගෙන යන්නේ නම්, හෝ එහි පිහිටි ස්ථිර පදනමක සිට එම අනෙක් රාජ්‍යයේදී ස්වාධීන පෞද්ගලික සේවා ඉටු කරන්නේ නම් හෝ පුරස්කාර ගෙවනු ලබන්නේ කවර අයිතිවාසිකමක් හෝ දේපලක් සම්බන්ධයෙන් ද, එම අයිතිවාසිකම හෝ දේපල (අ) එම ස්ථිර ආයතනය හෝ ස්ථිර පදනම සමග හෝ (ආ) 7 වගන්තියේ 1 ඡේදයේ (ඇ) යටතේ සඳහන් ව්‍යාපාර කටයුතු සමග ක්‍රියාකාරී ලෙස සම්බන්ධ වී ඇත්නම්, මෙම වගන්තියේ 1 හා 2 ඡේදවල විධිවිධාන අදාල නොවිය යුතුය. එවැනි අවස්ථාවකදී අවස්ථාවෝචිත පරිදි 7 වැනි වගන්තියේ හෝ 15 වන වගන්තියේ විධිවිධාන අදාල විය යුතුය.

5. පුරස්කාර ගෙවන්නා එම රාජ්‍යයම, එහි පළාත් පාලන ආයතනයක් හෝ එම රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු වන කල්හි, පුරස්කාර එම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ උද්ගත වන ලෙස සැලකිය යුතුය. කෙසේ වෙතත් පුරස්කාර ගෙවන්නා වූ නැතැත්තා ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයෙකු වුවද නොවුවද, පුරස්කාර ගෙවීමේ වගකීම හා බැඳුනු ස්ථිර ආයතනයක් හෝ ස්ථිර පදනමක් ඔහු සතුව ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක තිබෙනම්, සහ එම පුරස්කාර එම ස්ථිර ආයතනය හෝ ස්ථිර පදනම විසින් දරනු ලබන්නේ නම්, එවිට ස්ථිර ආයතනය හෝ ස්ථිර පදනම පිහිටි රාජ්‍යයේදී එම පුරස්කාර උද්ගත වන ලෙස සැලකිය යුතුය.

6. ගෙවන්නා සහ අර්ථලාභී හිමියා අතර හෝ ඔවුන් දෙදෙනාම සහ වෙනත් යම් තැනැත්තකු අතර පවත්නා විශේෂ සම්බන්ධතාවක් නිසා, පාවිච්චිය, අයිතිවාසිකම හෝ තොරතුරු සැලකිල්ලට ගනිමින් ගෙවනු ලබන පුරස්කාර ප්‍රමාණය, එවැනි සම්බන්ධතාවක් නොමැති විට ගෙවන්නා සහ ලබන්නා විසින් එකඟ විය හැකිව තිබුණු ප්‍රමාණය ඉක්මවන විට, මෙම වගන්තියේ විධිවිධාන අදාල විය යුත්තේ අන්තිමට සඳහන් ප්‍රමාණයට පමණි. එම අවස්ථාවේ දී, මෙම ගිවිසුමේ අනෙක්

විධිවිධානයන් කෙරෙහි නිසි සැළකිල්ලක් දක්වමින්, ගෙවීම් වල අතිරික්තය එක් එක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ නීතියට අනුකූලව තවදුරටත් බද්දට යටත් විය යුතුය.

13 වැනි වගන්තිය
ශිල්පිය ගාස්තු

1. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක උද්ගතවන, අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ වාසිකයකු වෙත ගෙවන ශිල්පිය ගාස්තු එම අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී බද්දට යටත් කළ හැකිය.

2. කෙසේ වුවද, එම ශිල්පිය ගාස්තු, ඒවා උද්ගත වන ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී ද එම රාජ්‍යයේ නීතියට අනුව බද්දට යටත් කළ හැකිවේ. එහෙත් එම ශිල්පිය ගාස්තු ලබන්නා ඒවායේ අර්ථලාභී හිමිකරු වේ නම්, එසේ අය කෙරෙන බද්ද එම පුරස්කාර වල දළ ප්‍රමාණයෙන් සියයට 15 නොඉක්මවිය යුතුය.

3. මෙම වගන්තියේ යොදා ඇති පරිදි, "ශිල්පිය ගාස්තු" යන පදයෙන් ගෙවීම් කරන තැනැත්තාගේ සේවකයකුට හැර, කාර්මික කළමනාකරණ හෝ උපදේශන ස්වභාවයේ යම් සේවාවක් සඳහා ප්‍රතිඵලය වශයෙන්, යම් තැනැත්තෙකුට ගෙවන ඕනෑම වර්ගයක ගෙවීම් අදහස් වේ.

4. ශිල්පිය ගාස්තුවල අර්ථලාභී හිමිකරු ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකුව ශිල්පිය ගාස්තු උද්ගතවන අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී එහි පිහිටි ස්ථිර ආයතනයක් මගින් ව්‍යාපාරයක් කරගෙන යන්නේ නම් හෝ එම අනෙක් රාජ්‍යයේදී ස්වාධීන පෞද්ගලික සේවා ඉටු කරන්නේ නම් සහ එම ස්ථිර ආයතනය හෝ එම සේවා සමඟ ශිල්පිය ගාස්තු ඵලදායී ලෙස සම්බන්ධවී ඇත්නම් මෙම වගන්තියේ 1 වැනි හා 2 වැනි ඡේදවල විධිවිධාන අදාල නොවිය යුතුය. එවැනි අවස්ථාවකදී, 7 වැනි වගන්තියේ හෝ 15 වැනි වගන්තියේ විධිවිධාන අවස්ථාවෝචිත පරිදි අදාළවිය යුතුය.

5. ශිල්පිය ගාස්තු ගෙවන්නා රාජ්‍යයට, එහි පලාත් පාලන ආයතනයක් හෝ එම රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු වන කල්හි ශිල්පිය ගාස්තු එම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ උද්ගතවන ලෙස සැලකිය යුතුය. කෙසේ වෙතත් ශිල්පිය ගාස්තු ගෙවන්නා වූ තැනැත්තා ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයෙකු වුවද නොවුවද ශිල්පිය ගාස්තු ගෙවීමේ යුතුකම හා බැඳුනු ස්ථිර ආයතනයක් ඔහු සතුව ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක තිබෙනම් සහ එම ශිල්පිය ගාස්තු එම ස්ථිර ආයතනය විසින් දරනු ලබන්නේ නම් එවිට ස්ථිර ආයතනය පිහිටි ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී එම ශිල්පිය ගාස්තු උද්ගත වන ලෙස සැලකිය යුතුය.

6. ශිල්පිය ගාස්තු ගෙවන්නා සහ අර්ථලාභී හිමියා අතර හෝ ඔවුන් දෙදෙනාම සහ

වෙනත් නැනැත්තෙකු අතර පවත්නා විශේෂ සම්බන්ධතාවක් නිසා ගෙවනු ලබන ශිල්පීය ගාස්තු ප්‍රමාණය, කුමන හේතුවක් නිසා හෝ, එවැනි සම්බන්ධතාවක් නොමැතිවිට ගෙවන්නා සහ අර්ථලාභී හිමිකරු විසින් එකඟවිය හැකිව තිබූ ප්‍රමාණය ඉක්මවන විට මෙම වගන්තියේ විධිවිධාන අදාල විය යුත්තේ අන්තිමට සඳහන් ප්‍රමාණයට පමණි. එවැනි අවස්ථාවකදී, මෙම ගිවිසුමේ අනෙක් විධිවිධාන කෙරෙහි නිසි සැලකිල්ලක් දක්වමින් ගෙවීම්වල අතිරික්තය ඒ ඒ ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ නීතියට අනුකූලව බද්දට යටත් විය යුතුය.

14 වැනි වගන්තිය
දේපල අන්සතු කිරීමෙන් ලැබෙන ලාභ

1. නිශ්චල දේපල අන්සතු කිරීමෙන් ලැබෙන ලාභ, 6 වැනි වගන්තියේ විස්තර කර ඇති පරිදි එම දේපල පිහිටි ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී බද්දට යටත් කළ හැකිය.

2. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක ව්‍යවසායකට අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි තිබෙන ස්ථිර ආයතනයක ව්‍යාපාර දේපල වල කොටසක් වන චංචල දේපල හෝ ස්වාධීන පෞද්ගලික සේවා ඉටු කිරීමේ කාර්යය සඳහා ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකුට අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ තිබෙන ස්ථිර පදනමකට අදාල චංචල දේපල අන්සතු කිරීමෙන් ලැබෙන ලාභ, එම ස්ථිර ආයතනය (එය පමණක් හෝ සම්පූර්ණ ව්‍යවසාය සමඟ) හෝ එම ස්ථිර පදනම අන්සතු කිරීමෙන් ලැබෙන ලාභ ද ඇතුළුව, එම අනෙක් රාජ්‍යයේදී බද්දට යටත් කළ හැකිය.

3. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක ව්‍යවසායක් විසින් අන්තර්ජාතික ගමනාගමනයෙහි යොදවන ලද නැව් හෝ ගුවන්යානා හෝ එවැනි නැව් හෝ ගුවන් යානා මෙහෙයවීමට අදාල චංචල දේපල අන්සතු කිරීමෙන් ලැබෙන ලාභ එම ව්‍යවසාය වාසිකවන ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහිදී පමණක් බද්දට යටත් කළ යුතුය.

4. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකු විසින්, අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ පිහිටි සම්පූර්ණ වශයෙන් හෝ ප්‍රධාන වශයෙන් නිශ්චල දේපල වලින් සමන්විත වත්කම් අයත් සමාගමක කොටස් හෝ සමාන කළ හැකි හිමිකමක් අන්සතු කිරීමෙන් උපයන ලාභ එම අනෙක් රාජ්‍යයේදී බද්දට යටත් කළ හැකිය.

5. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකවන සමාගමක, 4 වන ඡේදයේ සඳහන් කොටස් හැර අනෙකුත් කොටස් අන්සතු කිරීමෙන් ලැබෙන ලාභ එම අනෙක් රාජ්‍යයේදී බද්දට යටත් කළ හැකිය.

6. 1,2, 3, 4 සහ 5 වැනි ඡේදවල සඳහන් දේපල හැර වෙනත් යම් දේපලක් අන්සතු

කිරීමෙන් ලැබෙන ලාභ එම දේපල අන්සතු කර ගන්නා වාසිකවන ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී පමණක් බද්දට යටත් කළ හැකිය.

15 වැනි වගන්තිය
ස්වාධීන පෞද්ගලික සේවා

1. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකු විසින් වෘත්තීය සේවා හෝ ස්වාධීන ආකාරයේ වෙනත් කටයුතු වෙනුවෙන් ලබන ආදායම, අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී බද්දට යටත් කළ හැකි පහත සඳහන් අවස්ථාවලදී හැර, එම රාජ්‍යයේදී පමණක් බද්දට යටත් කළ යුතුය:

(අ) මහුගේ කටයුතු ඉටු කිරීමේ කාර්යය සඳහා නිරතුරුව පවතින ස්ථිර පදනමක් අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි මහුට තිබෙ නම් එහිදී එසේ අනෙක් රාජ්‍යයේදී බදු අයකළ හැකි වන්නේ එම ස්ථිර පදනමට ආරෝපනය කළ හැකි ආදායම් ප්‍රමාණයෙන් පමණි; හෝ

(ආ) අදාළ මූල්‍ය වර්ෂයෙහි මුළු දින ගණනේ එකතුව දින 183 කාල පරිච්ඡේදයක් හෝ ඊට අධික කාලපරිච්ඡේදයක් මහු එම අනෙක් රාජ්‍යයක සිටින්නේ නම් එහිදී එසේ අනෙක් රාජ්‍යයේදී බදු අය කළ හැකි වන්නේ මහු විසින් ඉටු කරන කටයුතු වලින් උපයනු ලබන ආදායම් ප්‍රමාණයෙන් පමණි; හෝ

(ඇ) අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී මහු විසින් ඉටු කළ කටයුතු සඳහා පාරිශ්‍රමිකය එම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ වාසිකයකු විසින් ගෙවයි නම් හෝ එම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ පිහිටි ස්ථිර ආයතනයක් හෝ ස්ථිර පදනමක් විසින් දරයි නම් සහ එම මූල්‍ය වර්ෂයේදී එක්සත් ජනපද ඩොලර් එක්දහස් පන්සියය ඉක්මවන්නේ නම් පමණි.

2. "වෘත්තීය සේවා" යන පදයට ස්වාධීන වූ විද්‍යාත්මක, සාහිත්‍යමය, කලාත්මක, අධ්‍යාපනික හෝ ඉගැන්වීමේ කටයුතු මෙන්ම වෛද්‍යවරුන්ගේ, නීතිඥයන්ගේ, ඉංජිනේරුවන්ගේ, ගෘහ නිර්මාණ ශිල්පීන්ගේ, දන්ත වෛද්‍යවරුන්ගේ සහ ගණනාධිකාරිවරුන්ගේ ස්වාධීන කටයුතු විශේෂයෙන් ඇතුළත් වේ.

16 වැනි වගන්තිය
පරායත්ත පෞද්ගලික සේවා

1. 17,19,20,21 සහ 22 වැනි වගන්තිවල විධිවිධානයන්ට යටත්ව, ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයෙකු සේවා නියුක්තියක් වෙනුවෙන් උපයන වැටුප්, වේතන සහ එවැනි වෙනත් පාරිශ්‍රමික, එකී සේවා නියුක්තියෙහි යෙදෙන්නේ අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි නම් මිස, එකී රාජ්‍යයෙහිදී පමණක් බද්දට යටත් විය යුතුය. එසේ සේවා නියුක්තියෙහි යෙදෙන්නේ නම්, එම සේවා නියුක්තියෙන් උපයන ලද පාරිශ්‍රමික එකී අනෙක් රාජ්‍යයේදී බද්දට යටත් කළ හැකිය.

2. 1 ඡේදයේ විධිවිධානයන්හි කුමක් සඳහන් වුවද, ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකු විසින් අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි යෙදෙන සේවා නියුක්තියක් වෙනුවෙන් උපයනු ලබන පාරිශ්‍රමිකය:

   (අ) එම පාරිශ්‍රමිකය ලබන්නා අදාළ මූල්‍ය වර්ෂය ආරම්භ වන හෝ අවසාන වන කිසියම් දොළොස් මසක කාල පරිච්ඡේදයක් තුළ දින ගණන් මුළු එකතුව දවස් 183 කට නොවැඩි කාල පරිච්ඡේදයක් හෝ කාල පරිච්ඡේද තුළ එම අනෙක් රාජ්‍යයෙහි සිටින්නේ නම්; සහ

   (ආ) එම පාරිශ්‍රමිකය එකී අනෙක් රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු නොවන සේවා යෝජකයකු විසින් හෝ වෙනුවෙන් ගෙවනු ලබන්නේ නම්; සහ

   (ඇ) එම පාරිශ්‍රමිකය, සේවා යෝජකයාට එකී අනෙක් රාජ්‍යයේ ඇති ස්ථිර ආයතනයකින් හෝ ස්ථිර පදනමකින් දරනු නොලබන්නේ නම්;

   එකී පළමුව සඳහන් කළ රාජ්‍යයේදී පමණක් බද්දට යටත් කළ යුතුය.

3. මෙම වගන්තියේ පූර්ව විධිවිධානයන්හි කුමක් සඳහන් වුවද, ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක ව්‍යවසායයක් විසින් ජාත්‍යන්තර ගමනාගමනයෙහිලා මෙහෙයවනු ලබන නැවක හෝ ගුවන් යානයක කරනු ලබන සේවා නියුක්තියක් වෙනුවෙන් උපයන පාරිශ්‍රමිකය එම රාජ්‍යයේදී පමණක් බද්දට යටත් කළ යුතුය.

17 වැනි වගන්තිය
අධ්‍යක්ෂවරුන්ගේ ගාස්තු සහ ඉහළ මට්ටමේ කළමනාකරණ නිලධාරීන්ගේ පාරිශ්‍රමික

1. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකු විසින්, අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ වාසික වන සමාගමක අධ්‍යක්ෂ මණ්ඩලයේ සාමාජිකයකු වශයෙන් උපයන අධ්‍යක්ෂවරුන්ගේ ගාස්තු හා වෙනත් ඊට සමාන ගෙවීම් එම අනෙක් රාජ්‍යයේදී බද්දට යටත් කළ හැකිය.

2. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකු විසින්, අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ වාසිකවන සමාගමක ඉහළ මට්ටමේ කළමනාකරණ නිලධාරියකු ලෙස උපයන වැටුප්, වේතන සහ වෙනත් ඊට සමාන පාරිශ්‍රමික එම අනෙක් රාජ්‍යයේදී බද්දට යටත් කළ හැකිය.

18 වැනි වගන්තිය
කලා ශිල්පීන් සහ ක්‍රීඩකයන්

1. 15 වැනි සහ 16 වැනි වගන්තිවල විධිවිධානයන්හි කුමක් සඳහන් වුවද, නාට්‍ය, චලන චිත්‍රපට, ගුවන්විදුලි හෝ රූපවාහිනී ශිල්පියකු හෝ සංගීතඥයකු වැනි විනෝද ශිල්පියකු හෝ ක්‍රීඩකයකු වශයෙන් ස්වකීය පුද්ගලික කටයුතු වල අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී නිරත වීමෙන් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකු විසින් උපයනු ලබන ආදායම, එම අනෙක් රාජ්‍යයේදී බද්දට යටත් කළ හැකිය.

2. විනෝද ශිල්පියකු හෝ ක්‍රීඩකයකු විසින් එබඳු කාර්ය මට්ටමෙහිලා සැලකිය හැකි ස්වකීය පුද්ගලික කටයුතුවල නිරතවීම සම්බන්ධයෙන් වන ආදායම, එම විනෝද ශිල්පියාට හෝ ක්‍රීඩකයාට නොව, වෙනත් තැනැත්තකුට උපචිත වන අවස්ථාවකදී, එම ආදායම 7, 15 සහ 16 වැනි වගන්තිවල කුමක් සඳහන් වුවද, විනෝද ශිල්පියාගේ හෝ ක්‍රීඩකයාගේ කටයුතු ක්‍රියාත්මක වන ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී බද්දට යටත් කළ හැකිය.

3. 1 වැනි සහ 2 වැනි ඡේදවල විධිවිධානයන්හි කුමක් සඳහන් වුවද, ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයන් අතර පවතින සංස්කෘතික ගිවිසුමක් යටතේ ඉටුකරන 1 වැනි ඡේදයේ සඳහන් කරන ලද කටයුතු වලින් උපයන ආදායම කවර හෝ ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක්, එහි පළාත් පාලන ආයතනයක් හෝ රාජ්‍ය ආයතනයක් විසින් එම රාජ්‍යයේ සංචාරය සඳහා සම්පූර්ණයෙන් මුදල් සපයන්නේ නම් එම කටයුතු ඉටු කරන ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී බද්දෙන් නිදහස් විය යුතුය.

19 වැනි වගන්තිය
විශ්‍රාම වැටුප් හා වාර්ෂික

1. 20 වැනි වගන්තියේ 2 වන ඡේදයේ විධිවිධානයන්ට යටත්ව, ගිවිසුම්කාර රාජ්‍ය දෙකකින් එකක වාසිකයෙකුට අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහිදී ඉටු කළ පසුගිය සේවයට ප්‍රතිඵලයක් වශයෙන් එහි අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි ප්‍රභවයකින් ගෙවන විශ්‍රාම වැටුපක් හෝ ඊට සමාන පාරිශ්‍රමිකයක් සහ එවැනි වාසිකයකු වෙත එවැනි ප්‍රභවයකින් ගෙවන වාර්ෂිකයක් එහි අනෙක් රාජ්‍යයේදී බද්දට යටත් කළ හැකිය.

2. "වාර්ෂික" යන පදයෙන්, මුදලෙන් හෝ මුදලේ වටිනාකමේ ප්‍රමාණවත් හා සම්පූර්ණ ප්‍රතිෂ්ඨාවක් වෙනුවෙන් ගෙවීම් කිරීමේ බැඳියාවක් යටතේ, ආයු කාලය තුළදී හෝ නිශ්චිතව සඳහන් කරන ලද හෝ දැනගත හැකි කාල පරිච්ඡේදයක් තුළදී ප්‍රකාශිත වේලාවන්හිදී කාලීනව ගෙවිය යුතු වන ප්‍රකාශිත මුදලක් අදහස් වේ.

3. 1 ඡේදයේ විධිවිධානයන්හි කුමක් සඳහන් වුවද, ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක සමාජ ආරක්ෂක ක්‍රමයේ කොටසක් වන පොදු යෝජනා ක්‍රමයක් යටතේ ගෙවන ලද විශ්‍රාම වැටුප් සහ අනෙකුත් ගෙවීම් එම රාජ්‍යයේදී පමණක් බද්දට යටත් විය යුතුය.

20 වැනි වගන්තිය
ආණ්ඩුවේ සේවය

1. (අ) ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක ආණ්ඩුවක් හෝ එහි පළාත් පාලන ආයතනයක් විසින් එම රාජ්‍යය වෙත හෝ එම ආයතනය වෙත කරන ලද සේවාවන් සම්බන්ධයෙන් යම් පුද්ගලයෙකු වෙත ගෙවනු ලබන විශ්‍රාම වැටුප් හැරුණු වැටුප්, වේතන සහ වෙනත් සමාන පාරිශ්‍රමික එම රාජ්‍යයේදී පමණක් බද්දට යටත් කළ යුතුය.

(ආ) කෙසේ වුවද, එම සේවාවන් ඉටු කරන ලද්දේ එම අනෙක් රාජ්‍යයෙහිදී නම් එකී පුද්ගලයා;

(i) එම අනෙක් රාජ්‍යයේ ජාතිකයෙකු; හෝ

(ii) නුදෙක් එම සේවාවන් ඉටු කිරීමේ කාර්යය සඳහාම පමණක් එම අනෙක් රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු බවට පත් නොවූ අනෙක් රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු නම්;

එවැනි වැටුප්, වේතන හා වෙනත් සමාන පාරිශ්‍රමිකයන් අනෙක් රාජ්‍යයෙහිදී පමණක් බද්දට යටත් විය යුතුය.

2. (අ) ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක් හෝ එහි පළාත් පාලන ආයතනයක් විසින් හෝ ඒවායින් ඇති කරන ලද අරමුදල් වලින් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යය වෙත හෝ පළාත් පාලන ආයතනය වෙත ඉටු කරන ලද සේවාවන් සම්බන්ධයෙන් යම් පුද්ගලයෙකු වෙත ගෙවනු ලබන යම් විශ්‍රාම වැටුපක් එම රාජ්‍යයේදී පමණක් බද්දට යටත් කළ යුතුය.

(ආ) කෙසේ වුවද, අදාල තැනැත්තා අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු සහ ජාතිකයෙකු වන්නේ නම් එවැනි විශ්‍රාම වැටුප් එම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී පමණක් බද්දට යටත් විය යුතුය.

3. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක් හෝ එහි පළාත් පාලන ආයතනයක් විසින් පවත්වාගෙන යනු ලබන ව්‍යාපාරයක් සම්බන්ධයෙන් ඉටු කරන ලද සේවාවක් සඳහා වන වැටුප්, වෙතන හා වෙනත් සමාන පාරිශ්‍රමිකයක් සහ විශ්‍රාම වැටුප් වලට 16,17 සහ 19 යන වගන්තිවල විධිවිධාන අදාල විය යුතුය.

21 වැනි වගන්තිය
ගුරුවරුන්, මහාචාර්යවරුන් සහ පර්යේෂකයන්

1. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයකට පැමිණීමට පූර්වාසන්නයෙහි ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකවන හෝ වාසික වූ සහ විශ්ව විද්‍යාලයක, විද්‍යාලයක, පාඨශාලාවක හෝ පළමු සඳහන් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ ආණ්ඩුව විසින් පිළිගත් අධ්‍යාපන ආයතනයක හෝ විද්‍යාත්මක පර්යේෂණ ආයතනයක ඉගැන්වීමේ, දේශන පැවැත්වීමේ හෝ පර්යේෂණ පැවැත්වීමේ මූලික කාර්යය සඳහා පළමු සඳහන් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ සිටින පුද්ගලයකු එවැනි ඉගැන්වීම්, දේශන හෝ පර්යේෂණ සඳහා ලබන පාරිශ්‍රමිකය, එම පළමු සඳහන් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයට පළමුව පැමිණි දින සිට වසර දෙකක කාලයක් සඳහා පළමු සඳහන් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ බද්දෙන් නිදහස් විය යුතුය.

2. මූලික වශයෙන් වෙනයම් පෞද්ගලික තැනැත්තෙකුගේ හෝ තැනැත්තන්ගේ ප්‍රතිලාභ පිණිස නොව පොදු යහපත පිණිස යම් පුද්ගලයකු විසින් පර්යේෂණ සිදු කරන්නේ නම්, එබඳු පර්යේෂණ වලින් ලබන ආදායමට පමණක් මෙම වගන්තිය අදාල විය යුතුය.

22 වැනි වගන්තිය
ශිෂ්‍යයන් සහ අභ්‍යාසලාභීන්

1. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයකට පැමිණීමට පූර්වාසන්නයෙහි අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ වාසිකයෙකු වූ හෝ වන, ස්වකීය අධ්‍යාපනය හෝ පුහුණුව යන කාර්යයන් සඳහා පමණක් පළමුව සඳහන් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි සිටින ශිෂ්‍යයකු, ආධුනිකයකු හෝ ව්‍යාපාර අභ්‍යාසලාභියකු තමන්ගේ නවත්නුව, අධ්‍යාපනය හෝ පුහුණුව සම්බන්ධ කාර්යයන් සඳහා ලබන ගෙවීම් එම රාජ්‍යයෙන් පරිබාහිර ප්‍රභවයන්ගෙන් ඔහු වෙත ගෙවනු ලැබේ නම්, එම පළමුව සඳහන් රාජ්‍යයෙහිදී බද්දට යටත් නොකළ යුතුය.

23 වැනි වගන්තිය
වෙනත් ආදායම්

1. මෙම ගිවිසුමෙහි මෙම වගන්තියට පෙර සඳහන් වගන්තිවල සඳහන් නොවන ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකුගේ ආදායම් විෂයයන් කිනම් රාජ්‍යයක උද්ගත වුවද, එම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී පමණක් බද්දට යටත් විය යුතුය.

2. ආදායම් ලබන්නා, ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකුව, අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ පිහිටි ස්ථිර ආයතනයක් මගින් එම අනෙක් රාජ්‍යයේ ව්‍යාපාරයක් කරගෙන යන්නේ නම් හෝ එහි පිහිටි ස්ථිර පදනමක් මගින් එම අනෙක් රාජ්‍යයේදී ස්වාධීන පෞද්ගලික සේවා ඉටු කරයි නම් සහ ආදායම් ගෙවීමට අදාළ අයිතිවාසිකම් හෝ දේපල එවැනි ස්ථිර ආයතනයකට හෝ ස්ථිර පදනමකට ක්‍රියාකාරී ලෙස සම්බන්ධවී ඇත්නම් 6 වගන්තියේ 2 ඡේදයේ විස්තර කර ඇති තීන්වල දේපල වලින් ලැබෙන ආදායම හැර, ආදායමට 1 ඡේදයේ විධිවිධාන අදාළ නොවිය යුතුය. එවැනි අවස්ථාවකදී 7 වන වගන්තියේ හෝ 15 වන වගන්තියේ විධිවිධාන, අවස්ථාවෝචිත පරිදි අදාළ විය යුතුය.

3. 1 වැනි සහ 2 වැනි ඡේදයන්හි විධිවිධාන නොසලකා, මෙම ගිවිසුමෙහි පූර්ව වගන්තිවල සඳහන් නොවන අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ උද්ගතවන ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකුගේ ආදායම් විෂයයන් එම අනෙක් රාජ්‍යයේදී ද බද්දට යටත් කළ හැකිය.

24 වැනි වගන්තිය
ද්විත්ව බදුකරණය ඉවත් කිරීම සඳහා ක්‍රම

1. කවර හෝ ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක රටවැසියන් අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි රටවැසියන්, එම අවස්ථාගත තත්ත්වයන් යටතේ එහිදී යටත් කළ හැකි වන බදු වලට හා තදිය නියමයන්ට වඩා වෙනස්වූ හෝ ඉසිලීමට වඩා දුෂ්කර වූ කිසිදු බද්දකට හෝ තදිය නියමකයට යටත් කරනු නොලැබිය යුතුය.

2. මෙම ගිවිසුමේ විධිවිධානයන්ට අනුකූලව, වියට්නාම වාසිකයකු ශ්‍රී ලංකාවේදී ආදායමක් උපයන විට, එම ආදායම වෙනුවෙන් ගෙවිය යුතු ශ්‍රී ලංකා බදු ප්‍රමාණය එම වාසිකයාට එම ආදායම වෙනුවෙන් පනවනු ලබන වියට්නාම බදු වෙනුවෙන් බැරක් ලෙස ඉවදිය යුතුය. එසේ වුවද, එම බැර එම ආදායමට ආරෝපණය කළ හැකි වියට්නාම බද්දේ එම කොටස නොඉක්මවිය යුතුය.

3. මෙම ගිවිසුමේ විධිවිධානයන්ට අනුකූලව, වියට්නාමයේදී බදු අය කළ හැකි ආදායමක් ශ්‍රී ලංකාවේ වාසිකයකු වියට්නාමයේදී උපයන විට, එම ආදායම වෙනුවෙන් ගෙවිය යුතු වියට්නාම බදු ප්‍රමාණය එම වාසිකයාට එම ආදායම වෙනුවෙන් පනවනු ලබන ශ්‍රී ලංකා බදු වෙනුවෙන් බැරක් ලෙස ඉඩදිය යුතුය. එසේ වුවද, එම බැර එම ආදායමට ආරෝපණය කළ හැකි ශ්‍රී ලංකා බද්දේ එම කොටස නොඉක්මවිය යුතුය.

4. ගිවිසුම් රාජ්‍යයකදී බැරක් ලෙස ඉඩදීමේ කාර්යය සඳහා, අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී ගෙවනු ලැබූ බද්දට එම අනෙක් රාජ්‍යයේදී වෙනත් අයුරකින් ගෙවිය යුතු වන එහෙත් එම රාජ්‍යයවිසින් බදු දිරි ගැන්වීම් සඳහා සිය නෛතික විධිවිධාන යටතේ අඩුකරන ලද හෝ අත්හරින ලද බද්ද ඇතුළත් ලෙස සැලකිය යුතුය.

25 වැනි වගන්තිය
වෙනස්කම් නොදැක්වීම

1. එක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක රටවැසියන් එහිදී යටත් වන හෝ යටත් කළ හැකි වන බදු වලට හා තදිය නියමයන්ට වඩා වෙනස්වූ හෝ ඉසිලීමට වඩා දුෂ්කර වූ කිසිදු බද්දකට හෝ තදිය නියමයකට හෝ අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි රටවැසියන්, එම අවස්ථාගත තත්ත්වයන් යටතේ, පළමු ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේදී යටත් කරනු නොලැබිය යුතුය.

2. එක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක ව්‍යවසායක් සතු අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ ඇති ස්ථිර ආයතනයක් මත, එම කටයුතු වලම නියැලෙන අනෙක් රාජ්‍යයේ ව්‍යවසායන් සම්බන්ධයෙන් අය කරනු ලබන බදු වලට වඩා අඩු වාසි සැලසෙන පරිදි එකී අනෙක් රාජ්‍යයේදී බදු අය නොකළ යුතුය.

3. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක ව්‍යවසායන්හි ප්‍රාග්ධනය සම්පූර්ණයෙන්ම හෝ ඉන් කොටසක් වශයෙන් අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ වාසිකයන් එක් අයෙකු හෝ වැඩි දෙනෙකු විසින් සෘජුවම හෝ වක්‍රාකාරයෙන් අයත් කරගෙන සිටින කල්හී හෝ පාලනය කරනු ලබන කල්හී, එකී පළමුව සඳහන් රාජ්‍යයේ එබඳු වෙනත් ව්‍යවසායයන් යටත් වන හෝ යටත් විය හැකි වන බදු වලට හෝ තදිය නියමයන්ට වඩා වෙනස් වූ හෝ ඉසිලීමට වඩා දුෂ්කර වූ කිසිදු බද්දකට හෝ තදිය නියමයන්ට එකී පළමුව සඳහන් රාජ්‍යයෙහිදී යටත් කරනු නොලැබිය යුතුය.

4. මෙම වගන්තියේ අඩංගු කිසිවකින්, ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයෙහි වාසිකවන පුද්ගලයන්ට බදු කාර්යය සඳහා ප්‍රදානය කෙරෙන පෞද්ගලික දීමනා, සහන සහ අවකරණ රාජ්‍යයෙහි වාසික නොවන පුද්ගලයන්ට දීමට කවර හෝ ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක් බැඳී ඇතැයි යනුවෙන් තේරුම් නොගත යුතුය.

5. මෙම වගන්තියේ "බදුකරණය" යන පදයෙන් මෙම ගිවිසුමෙහි විෂය වන බදු අදහස් කෙරේ.

6. මෙම වගන්තියේ විධිවිධාන නොතකා, ආයෝජකයා යටත්විය යුතු බදු නියෝගයට දක්වා ඇති ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ විදේශ ආයෝජන පිළිබඳ නීතිය යටතේ එම රාජ්‍යය ආයෝජකයාට බලපත්‍ර ප්‍රදානය කිරීම කරගෙන යනතාක් එම බදු පැනවීම මෙම වගන්තියේ 2 සහ 3 ඡේදවල නියමයන් උල්ලංඝණය කරන සේ නොසැලකිය යුතුය.

7. මෙම ගිවිසුමෙහි විෂය වන බදුවලට පමණක් මෙම වගන්තියේ විධිවිධාන අදාළ විය යුතුය.

26 වැනි වගන්තිය
අන්‍යෝන්‍ය එකඟත්ව ක්‍රියා පිළිවෙල

1. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයන් දෙකෙන් එකක හෝ දෙකෙහිම ක්‍රියාවන්හි ප්‍රතිඵලයක් වශයෙන් මෙම ගිවිසුමේ විධිවිධානයන්ට අනුකූල නොවන අයුරින් තමා බදුකරණයට පාත්‍ර වන්නේ යයි හෝ එසේ පාත්‍රවී ඇතැයි ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක වාසිකයකු සලකන අවස්ථාවක, එකී රාජ්‍යයන්හි දේශීය නීති මගින් සලසා ඇති ප්‍රතිකර්මයන් නොසලකා හැරිය හැකිය. මෙම ගිවිසුමෙහි විධිවිධාන වලට අනුකූල නොවන බදුකරණය උද්ගතවීමට හේතුවන ක්‍රියාව පිළිබඳ ප්‍රථම දැන්වීමෙන් වර්ෂ තුනක් ඇතුලත එකී කරුණු ඉදිරිපත් කිරීම කළ යුතුය.

2. විරෝධතාවය යුක්ති සහගත යයි නිසි බලධරයාට පෙනී යන්නේ නම් සහ තනිව යෝග්‍ය විසඳුමක් කරා ළඟාවීමට හැකි අපොහොසත් වන්නේ නම් මෙම ගිවිසුමට අනුකූල නොවන බදුකරණය වළක්වාලීමේ අදහසින්, අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ නිසි බලධරයා සමග අන්‍යෝන්‍ය එකඟත්වයෙන් තත්වය නිරාකරණය කර ගැනීමට ඔහු උත්සාහ කළ යුතුය. එළඹී යම් එකඟතාවයක් වේ නම් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයන්හි දේශීය නීතියේ සඳහන් කාල සීමා නොතකා ක්‍රියාත්මක කළ යුතුය.

3. මෙම ගිවිසුම අදාළ කිරීම හෝ එහි අර්ථ නිරූපනය සම්බන්ධයෙන් යම් දුෂ්කරතාවක් හෝ සැකයක් පැන නගී නම් ඒවා අන්‍යෝන්‍ය එකඟත්වයෙන් නිරාකරණය කර ගැනීමට ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යවල නිසි බලධාරීන් උත්සාහ කළ යුතුය. මෙම ගිවිසුමෙහි විධිවිධාන සලසා නොමැති අවස්ථාවන්හිදී ද ද්විත්ව බදුකරණය ඉවත් කිරීම සඳහා ඔවුන් එක්ව සාකච්ඡා කළ යුතුය.

4. පෙරාතු ඡේදවල අර්ථ සම්බන්ධයෙන් එකඟතාවයකට එළඹීමේ කාර්යය සඳහා ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යවල නීති බලධාරීන්ට කෙලින්ම එකිනෙකා අතර ලිපි හුවමාරු කරගත හැකිය. මෙම වගන්තියේ විධිවිධාන සලසා ඇති අන්‍යොන්‍ය එකඟතාව ක්‍රියා පරිපාටිය ක්‍රියාත්මක කිරීම සඳහා නීති බලධාරීන් සුදුසු ද්විපාර්ශ්වික ක්‍රියා පරිපාටීන්, කොන්දේසි, විධි සහ ශිල්ප ක්‍රම සාකච්ඡා මාර්ගයෙන් වර්ධනය කළ යුතුය.

27 වැනි වගන්තිය
තොරතුරු හුවමාරු කර ගැනීම

1. මෙම ගිවිසුමෙහි විධිවිධානයන් ක්‍රියාත්මක කිරීම සඳහා හෝ මෙම ගිවිසුමෙන් ආවරණය වන බදු වලට අදාළ ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයන්ගේ දේශීය නීති, එම නීති යටතේ කෙරෙන බදුකකණය, මෙම ගිවිසුමට ප්‍රතිවිරුද්ධ නොවනතාක් ක්‍රියාත්මක කිරීම සඳහා මෙන්ම එම බදු සම්බන්ධයෙන් වූ බදු පැහැර හැරීම වැළැක්වීම සඳහා අවශ්‍ය වන තොරතුරු ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයන්ගේ නීති බලධරයන් විසින් හුවමාරු කර ගත යුතුය. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයකට ලැබෙන යම් තොරතුරක්, එම රාජ්‍යයේ දේශීය නීති යටතේ ලබාගත් තොරතුරු රහස්‍ය සේ සලකන පරිද්දෙන්ම, රහස්‍ය සේ සැලකිය යුතු අතර, මෙම ගිවිසුමෙහි විෂය වන බදුවලට අදාළ තක්සේරු කිරීම හෝ රැස් කිරීම, එම බදු බලාත්මක කිරීම හෝ ඒ සම්බන්ධයෙන් නඩු පැවරීම, හෝ එම බදු සම්බන්ධ වන අභියාචනයන්, තීර්ණයනය කිරීම හා සම්බන්ධ වූ තැනැත්තන්ට හා බලධරයන්ට (උසාවි හා පරිපාලන මණ්ඩල ද ඇතුළුව) පමණක් හෙළි කළ යුතුය. එවැනි තැනැත්තන් හෝ බලධරයන්, එම තොරතුරු එවැනි කාර්යයන් සඳහා පමණක් පාවිච්චි කළ යුතු වුවද ඔවුනට ප්‍රසිද්ධ උසාවි කටයුතු වලදී හෝ අධිකරණ තීන්දුවල දී එම තොරතුරු හෙළි කළ හැකිය.

2. මෙම වගන්තියේ 1 වැනි ඡේදයේ විධිවිධාන ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයන් මත පහත සඳහන් බැඳීම් පනවන්නේ යයි නිසිදු අවස්ථාවකදී අදහස් නොකළ යුතුය:

(අ) එම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ හෝ අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ නීති හෝ පරිපාලනමය භාවිතයන් සමඟ වෙනස් ආකාරයට පරිපාලනමය විධිවිධාන පවත්වාගෙන යාම;

(ආ) එම ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ හෝ අනෙක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයේ නීති යටතේ හෝ සාමාන්‍ය පරිපාලනය කරගෙන යන අතරතුර ලබාගත නොහැකි විස්තර සැපයීම;

(ඇ) යම් වෙළඳ, ව්‍යාපාරික, කාර්මික, වාණිජ හෝ වෘත්තීය රහසක් හෝ වෙළෙඳ ක්‍රියාවලියක් හෙළිදරව් කරන තොරතුරක් හෝ එළිදරව් කිරීම රජයේ ප්‍රතිපත්තියට පටහැනි වන යම් තොරතුරක් සැපයීම.

28 වැනි වගන්තිය
රාජ්‍ය තාන්ත්‍රික නියෝජිතයින් සහ කොන්සල් නිලධාරීන්

ජාත්‍යන්තර නීතිය පිළිබඳ පොදු නීතිරීති යටතේ හෝ විශේෂ ගිවිසුම්වල විධිවිධාන යටතේ රාජ්‍ය තාන්ත්‍රික නියෝජිතයන්ට හෝ කොන්සල් නිලධාරීන්ට අයත් මුල්‍ය වරප්‍රසාද කෙරෙහි මෙම ගිවිසුමේ කිසිවක් බලනොපෑ යුතුය.

29 වැනි වගන්තිය
බලාත්මකවීම

1. මෙම ගිවිසුම බලාත්මක කිරීම සඳහා ස්වකීය නීතිය මගින් අවශ්‍ය කෙරෙන කාර්ය පරිපාටි සම්පූර්ණ කර ඇති බව එක් එක් ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක් විසින් අනෙක් රාජ්‍යයට රාජ්‍ය තාන්ත්‍රික මාර්ග ඔස්සේ ලිඛිතව දන්වා සිටිය යුතුය. මෙම දැනුම්දීම්වලින් දෙවනුව කෙරෙන දැනුම්දීමේ දින සිට මෙම ගිවිසුම බලාත්මක විය යුතුය.

2. මෙම ගිවිසුමේ විධිවිධාන;

   (අ) ප්‍රභවයේදී රඳවාගත් බදු සම්බන්ධයෙන්, ගිවිසුම බලාත්මක වන දිනට පසුව ඵලඹෙන ලිත් වර්ෂයේ ජනවාරි මස පළමුවන දින, හෝ ඉන්පසුව ගෙවන ලද හෝ බැර කරන ලද මුදල් ප්‍රමාණයන් වෙනුවෙන්, සහ

   (ආ) අනෙකුත් බදු සම්බන්ධයෙන්, ගිවිසුම බලාත්මක වන දිනට පසුව ඵලඹෙන ලිත් වර්ෂයේ ජනවාරි මස පළමුවන දින හෝ ඉන්පසුව ආරම්භ වන බදු අය කළ හැකි වර්ෂයන් වෙනුවෙන්,

   අදාළ විය යුතුය.

30 වැනි වගන්තිය
අවසන් කිරීම

1. ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයක් විසින් අවසන් කරනු ලබනතෙක් මෙම ගිවිසුම බලපැවැත්විය යුතුය. ගිවිසුම බලාත්මක වන වසරේ සිට වසර පහක කාල පරිච්ඡේදයකින් පසුව ඵලඹෙන යම් ලිත් වර්ෂයක ජූනි මස තිස්වන දින හෝ ඊට පෙර රාජ්‍ය තාන්ත්‍රික

මාර්ග හරහා අවසන් කිරීම පිළිබඳ ලිඛිත නිවේදනයක් මගින් කවර හෝ ගිවිසුම්කාර රාජ්‍යයකට මෙම ගිවිසුම අවසන් කළ හැකිය.

2. එවැනි අවස්ථාවකදී;

(අ) ප්‍රහවයෙදී රදවාගත් බදු සම්බන්ධයෙන් එවැනි නිවේදනයක් නිකුත් කළ ලිත් වර්ෂයේ අවසානයට පසුව ගෙවූ හෝ බැර කළ මුදල් ප්‍රමාණයන් වෙනුවෙන්, සහ

(ආ) අනෙකුත් බදු සම්බන්ධයෙන්, එවැනි නිවේදනයක් නිකුත් කළ ලිත් වර්ෂයේ අවසානයට පසුව ආරම්භ වන බදු අය කළ හැකි වර්ෂයන්ට අදාලව,

මෙම ගිවිසුම බලපැවැත්වීම නතර විය යුතුය.

ඒට සාක්ෂි වශයෙන් එම රාජ්‍යයන් විසින් විධිමත් පරිදි බලය පවරනු ලැබූ මෙහි පහත අත්සන් කරන අය මෙම ගිවිසුමට අත්පත් තබා මුද්‍රා තබන ලදි.

එසා හා සමාන බල සහිත වන පාඨයන්ගෙන් යුක්ත, සිංහල, වියට්නාම හා ඉංග්‍රීසි භාෂාවන්ගෙන් තෙපිටපතකින් යුතුව 200...ඔක්තෝ... මස...28... දින දී අත්සන් තබන ලදි. අර්ථ නිරූපනයේදී ප්‍රතිවිරුද්ධ අවස්ථා ඇතිවුවහොත් ඉංග්‍රීසි පිටපත භාවිතා කළ යුතුය.

වියට්නාම සමාජවාදී ජනරජයේ
ආණ්ඩුව වෙනුවෙන්

ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී
ජනරජය වෙනුවෙන්